

Số: 1242 /QĐ-CVHHVT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Nội quy các cảng biển
thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI VŨNG TÀU

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 534 QĐ/TCCB-LĐ ngày 22 tháng 3 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và Bưu điện (nay là Bộ Giao thông Vận tải) về việc tổ chức lại Ty Hoa tiêu Cảng vụ Vũng Tàu thành Cảng vụ Vũng Tàu;

Căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu;

Căn cứ văn bản số 2689/CHHVN-PC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "-Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng nghiệp vụ, Trưởng Đại diện, Trạm thường trực của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- UBND tỉnh BR-VT;
- BCH Biên phòng tỉnh BR-VT;
- Cục Hải quan tỉnh BR-VT;
- Trung tâm YTDP tỉnh BR-VT;
- Sở GTVT tỉnh BR-VT;
- Sở TN&MT tỉnh BR-VT;
- Chi cục kiểm dịch động vật, thực vật;
- Các chủ tàu, doanh nghiệp cảng;
- Các Đại lý hàng hải; Tổ chức hoa tiêu;
- Các doanh nghiệp kinh doanh DVHH;
- Các đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải;
- Các cơ quan QLNN liên quan;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Văn Thúc

NỘI QUY CÁC CẢNG BIỂN
THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1242/QĐ-CVHHVT ngày 25/7/2017
của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trên cơ sở quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây gọi tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật liên quan khác.

2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “vùng nước cảng biển”) được quy định tại Thông tư số 57/2015/TT-BGTVT ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.

(Thông tin, sơ đồ chi tiết nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Nội quy này)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là cảng biển).

2. Cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định có liên quan tại Bộ luật Hàng hải Việt nam, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Nội quy này.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển và các thông tin khác

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển là Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Cảng vụ Hàng hải) có Trụ sở và các Đại diện, Trạm thường trực như sau:

a) Trụ sở:

- Địa chỉ: số 02 - Quang Trung - TP.Vũng Tàu – tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3856270 ; 0254.3512811; 0915241066.

- Fax: 0254.3856137; 0254.3856085; 0254.3512810.

- E-mail: cangvu.vtu@vinamarine.gov.vn

- Website: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Phú Mỹ:

- Địa chỉ: Xã Phước Hòa - huyện Tân Thành – tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3893093; 0254.3893126; 0918014066.

- Fax: 0254.3893093.

c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Côn Đảo:

- Địa chỉ: Đường Bến Đầm – huyện Côn Đảo – tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3830056; 0917756166.

- Fax: 0254.3830056.

d) Trạm thường trực Cảng vụ Hàng hải tại khu vực Thị Vải:

- Địa chỉ: Đường số 3 – KCN Phú Mỹ 1 - huyện Tân Thành – tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại : 0254.3922279; 0917942166.

- Fax : 0254.3922279.

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển:

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Nội quy này)

3. Hải đồ, tài liệu và các thông tin về cảng biển:

(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo Nội quy này)

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN, RỜI CẢNG BIỂN**

Điều 4. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến cảng biển

1. Tàu thuyền đến vùng nước cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Mục 1 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến vùng nước cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải, cầu, bến cảng, vùng nước trước cầu cảng, khu nước, vùng nước và các công trình khác đã được các cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định.

Điều 5. Thủ tục thông báo, xác báo tàu biển đến, rời cảng biển

1. Việc thông báo, xác báo tàu biển đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP hoặc quy định liên quan về thủ tục điện tử cho tàu thuyền.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải chấp hành chế độ thông báo, xác báo theo Quy chế quản lý hoạt động của hệ thống VTS;

Điều 6. Điều động tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Phương tiện thủy nội địa, tàu cá được điều động vào neo đậu tại các vị trí theo chỉ định của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 7. Thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển và thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển

1. Thủ tục tàu thuyền đến, rời cảng biển và tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia qua sông Tiền thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 của Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển, thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 4 kèm theo Nội quy này.

3. Địa điểm làm thủ tục:

Trừ trường hợp địa điểm làm thủ tục có thể thực hiện tại tàu theo quy định tại Khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, địa điểm làm thủ tục như sau:

a) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Phú Mỹ: đối với tàu thuyền đến, rời các bến cảng khu vực sông Cái Mép – Thị Vải;

b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Côn Đảo: đối với tàu thuyền đến, rời các bến cảng, khu neo đậu khu vực Côn Đảo;

c) Trạm thường trực Cảng vụ Hàng hải tại khu vực Thị Vải: đối với phương tiện thủy nội địa đến, rời các bến cảng khu vực sông Thị Vải;

d) Trụ sở: đối với tàu thuyền đến, rời các bến cảng, bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải tại các khu vực khác hoặc tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia qua sông Tiền;

e) Trong điều kiện thực tế cho phép, người làm thủ tục được chủ động lựa chọn địa điểm thực hiện thủ tục thuận lợi cho tàu thuyền tại Trụ sở hay đại diện Cảng vụ Hàng hải.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền theo quy định.

Mục 2

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 8. Sử dụng phương tiện thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên lạc với Cảng vụ Hàng hải qua số điện thoại, địa chỉ, fax, thư điện tử quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nội quy này. Trường hợp cần thiết, có thể liên lạc qua các Đài thông tin duyên hải tại khu vực hoặc Trung tâm điều hành hệ thống VTS.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Duy trì liên lạc trên kênh trực canh 16; Kênh làm việc 08 hoặc các kênh được chỉ định khác;

b) Tên, hô hiệu (nếu có) của tàu thuyền hoặc của đơn vị, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau;

c) Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ Hàng hải trên các kênh 16, 08 và của Trung tâm điều hành hệ thống VTS trên các kênh 06, 09, 12, 14. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân, tàu thuyền thực hiện các cuộc gọi bình thường trên kênh 16 trong thời gian có tín hiệu cấp cứu hoặc thông tin khẩn cấp phát trên kênh này;

d) Ngôn ngữ sử dụng trên VHF khi liên lạc, làm việc là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Điều 9. Xác báo thông tin điều động của tàu biển Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài

1. Chậm nhất ngay trước thời điểm điều động và ngay sau khi kết thúc việc điều động, tàu biển Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài phải xác báo cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS biết.

2. Thuyền trưởng tàu thuyền có hoa tiêu có thể uỷ quyền cho hoa tiêu dẫn tàu thực hiện các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 10. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải được thể hiện dưới các hình thức sau:

- a) Kế hoạch điều động tàu thuyền;
- b) Lệnh điều động;
- c) Giấy phép chạy thử tàu;
- d) Giấy phép rời cảng;
- e) Giấy phép quá cảnh;
- f) Giấy phép vào/rời cảng, bến (đối với phương tiện thủy nội địa).

g) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, trường hợp xét thấy không đủ điều kiện thực hiện, thuyền trưởng hoặc tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm báo cáo Cảng vụ Hàng hải để xử lý.

3. Thông tin về kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày được cập nhật tại trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

Điều 11. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

Khi hoạt động trong vùng nước cảng biển, tàu thuyền phải chấp hành quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các yêu cầu sau:

1. Duy trì liên lạc với Trung tâm điều hành hệ thống VTS qua VHF và chấp hành chỉ dẫn hoặc khuyến cáo của nhân viên điều hành hệ thống VTS.

2. Nếu điều kiện thực tế cho phép và đảm bảo an toàn, phải bám càng sát càng tốt mép luồng phía mạn phải của tàu. Nghiêm cấm tàu thuyền hành trình cắt hướng gây trở ngại cho tàu thuyền khác đang hành trình trên luồng.

3. Tàu cá và tàu thuyền nhỏ khác nếu có thể hành trình an toàn ngoài luồng thì không được gây trở ngại đến hành trình của tàu thuyền lớn chỉ có thể hành trình an toàn trong phạm vi giới hạn của luồng.

4. Tuân thủ quy định khi hành trình trên đoạn luồng một chiều.

5. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền phải hành trình với tốc độ (tốc độ chuyển động của tàu so với đáy biển) giới hạn như sau:

a) Luồng sông Dinh, luồng Bến Đầm - Côn Đảo tốc độ không quá 8 hải lý/giờ.

b) Luồng Vũng Tàu - Thị Vải, Luồng Vũng Tàu – Sài Gòn (đoạn thuộc vùng nước cảng biển) tốc độ không quá 10 hải lý/giờ. Riêng tàu container có trọng tải trên 80.000 DWT hành trình trên luồng Vũng Tàu – Thị Vải đoạn từ Phao số 0 đến cửa sông Gò Gia tốc độ không quá 12 hải lý/giờ.

6. Việc hạn chế tốc độ quy định tại Khoản 5 Điều này không áp dụng đối với các tàu thuyền: công vụ, cứu hỏa, cứu nạn khi đang làm nhiệm vụ và tàu thuyền cao tốc có thiết kế chuyên dụng khác.

7. Tàu thuyền phải phải chủ động di chuyển với tốc độ an toàn khi hành trình tại khu vực sau đây:

a) Vào, rời Vùng đón trả hoa tiêu hoặc các vị trí neo đậu thuộc Khu neo đậu Vũng Tàu.

b) Đoạn luồng hàng hải trên sông Dinh, từ hạ lưu cảng Vietsovpetro đến thượng lưu cảng Kho xăng dầu Đông Xuyên.

c) Đoạn luồng hàng hải trên sông Thị Vải, từ hạ lưu cảng PV Gas đến thượng lưu cảng Posco (đoạn cong chữ S) và từ hạ lưu cảng Baria Serece đến thượng lưu cảng SITV.

Điều 12. Cập mạn tàu thuyền

1. Trừ tàu công vụ, tàu hoa tiêu đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp, cấm tàu thuyền cập mạn tàu thuyền khác khi chưa được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

2. Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau đây:

a) Tàu thuyền cập mạn để cấp nhiên liệu, chuyển tải dầu hay các loại hàng nguy hiểm khác chỉ được cập mạn hàng một.

b) Thuyền trưởng tàu thuyền liên quan phải thỏa thuận, thống nhất áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn khi cập mạn.

c) Chỉ khi có kế hoạch chính xác về thời gian làm hàng, tàu thuyền mới được phép hành trình từ vị trí tập kết đến vị trí cập mạn.

Điều 13. Hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi

1. Cấm tàu thuyền vào Vùng an toàn của các cảng dầu khí ngoài khơi khi chưa được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

2. Các doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng dầu khí ngoài khơi phải tổ chức thực hiện cảnh giới 24/24 giờ tại Vùng an toàn theo quy định để đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Ngoài việc duy trì đầy đủ các đèn, tín hiệu, dấu hiệu cảnh báo cần thiết theo quy định, tại các cảng dầu khí ngoài khơi phải thường xuyên phát thoại trên kênh 16 VHF bằng cả tiếng Việt và

tiếng Anh để thông báo cho các tàu thuyền đang hoạt động trong khu vực biết.

Điều 14. Hoạt động vận chuyển hành khách, cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

Thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

1. Trước khi khởi hành, thuyền trưởng tàu vận chuyển hành khách có trách nhiệm phân công, chỉ đạo nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

2. Hàng năm, chủ tàu vận chuyển hành khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

3. Các đèn trang trí (nếu có) trên tàu nhà hàng – du lịch, tàu chở khách phải được thiết kế và sử dụng sao cho không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tính năng, tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa đối với các báo hiệu hàng hải hoặc bất kỳ đèn hiệu, dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

4. Nghiêm cấm hành vi cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trên luồng hàng hải, hành lang bảo vệ luồng, vùng đón trả hoa tiêu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng nước trước bến cảng, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển.

Điều 15. Bảo đảm an toàn khi tàu thuyền quay trở

1. Trừ tàu lai dắt đang làm nhiệm vụ hỗ trợ tàu thuyền quay trở, tàu thuyền khác không được vượt qua hay điều động vào vùng quay trở khi ở đó đang có tàu thuyền quay trở.

2. Tàu thuyền trước, trong khi quay trở phải tăng cường cảnh giới và sử dụng các phương tiện thông tin phù hợp để báo

cho các tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng hiện tại cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó còn ở khoảng cách an toàn.

3. Khi điều kiện thực tế cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại khu vực thủy điện bến cảng, bến phao để rời hoặc cập cầu cảng, bến phao hay rời, cập mạn tàu thuyền nếu đảm bảo an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

Điều 16. Bảo đảm an toàn đối với việc neo đậu của tàu thuyền

1. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định liên quan tại Điều 62, Điều 65, Điều 66 và Điều 69 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Khi cần thay đổi vị trí neo đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS biết rõ lý do và chỉ khi có sự chấp thuận mới được tiến hành điều động tàu đến vị trí neo mới theo chỉ định, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

3. Sơ đồ, thông tin về Khu neo đậu Vũng Tàu nêu chi tiết tại Phụ lục 5 Nội quy này.

Mục 4 HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 17. Yêu cầu đối với hoạt động hoa tiêu hàng hải

Hoạt động hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 18. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Việc lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu và triển khai thực hiện kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày

của Cảng vụ Hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Hàng ngày, các tổ chức hoa tiêu hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm trao đổi thông tin và phối hợp lập kế hoạch dẫn tàu phù hợp, đảm bảo dẫn tàu hành trình an toàn trên luồng hàng hải.

3. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thông báo kịp thời đến hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày của Cảng vụ Hàng hải và những thay đổi (nếu có).

Điều 19. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với tàu hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu dẫn tàu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 20. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 251, Điều 253 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Điều 104, Điều 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trừ dẫn tàu tại các cảng dầu khí ngoài khơi, hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS biết các thông tin sau:

a) Thời điểm lên hoặc rời tàu.

b) Khi có nhiều tàu cùng tiếp cận vùng đón trả hoa tiêu để tiếp nhận chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của nhân viên điều hành hệ thống VTS.

3. Trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải biết và chậm nhất 24 giờ sau khi trở lại bờ phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu, tên tàu, diễn biến và biện pháp khắc phục hậu quả đã được tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có).

Điều 21. Nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động tàu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải biết về việc tự dẫn tàu và phải xuất trình bản chính Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải khi được yêu cầu.

Điều 22. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, bến phao thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai (đối với tàu sử dụng tàu lai hỗ trợ) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng, bến phao. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng, bến phao, công nhân buộc còi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

SỬ DỤNG TÀU LAI HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 23. Sử dụng tàu lai hỗ trợ

Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định sau:

1. Trong điều kiện hàng hải bình thường, tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước bến cảng, vùng nước bến phao phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau:

a) Đối với cảng dầu khí ngoài khơi

Số lượng, công suất tàu lai được sử dụng căn cứ tính năng tàu lai, thiết kế bến cảng và yêu cầu an toàn trong hoạt động, quản lý rủi ro tại các cảng dầu khí ngoài khơi và quy định sau:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 200 m, sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 4.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 200m đến dưới 250m: phải sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 6.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m trở lên: phải sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 7.000 HP

b) Đối với các bến cảng, bến phao khác

Tàu thuyền phải sử dụng tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính (HP) các tàu lai không nhỏ hơn 10% giá trị tổng trọng tải (DWT) tàu được lai và quy định sau:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến dưới 100m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 600 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 100m đến dưới 125m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 800 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 125m đến dưới 150m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 150m đến dưới 175m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.200 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175m đến dưới 200m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.500 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 200m đến dưới 225m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 2.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 225m đến dưới 250m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 2.400 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m trở lên, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 3.000 HP.

c) Công suất, số lượng, loại tàu lai hỗ trợ cho tàu container có tổng trọng tải trên 80.000 DWT khi điều động trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Quyết định số 581/QĐ-CHHVN ngày 17/7/2012, Quyết định số 02/QĐ-CHHVN ngày 04/01/2017, Quyết định 49/2017/QĐ-CHHVN ngày 16/01/2017 và văn bản liên quan khác của Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Trong điều kiện hàng hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải xem xét, quy định cụ thể số lượng, công suất, tính năng tàu lai hỗ trợ tàu thuyền trên cơ sở tham khảo ý kiến đề nghị của Thuyền trưởng/ chủ tàu, tổ chức hoa tiêu hàng hải và doanh nghiệp cảng liên quan.

Điều 24. Miễn giảm tàu lai

Đối với tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải xem xét miễn hoặc giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, doanh nghiệp cảng liên quan và các điều kiện thực tế khác.

Điều 25. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt

1. Thực hiện theo quy định tại Chương XII Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Chương IV Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, các quy định khác có liên quan của pháp luật và yêu cầu sau:

2. Định kỳ hàng quý (chậm nhất đến ngày 05 của quý sau) báo cáo Cảng vụ Hàng hải về tình hình hoạt động của các tàu lai thuộc doanh nghiệp hoạt động trong vùng nước cảng biển.

3. Chậm nhất 16 giờ 30 hàng ngày, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt phải gửi thông báo về kế hoạch lai hỗ trợ của ngày kế tiếp cho Cảng vụ Hàng hải biết (Nội dung thông báo theo mẫu Phụ lục 6 kèm theo Nội quy này). Trường hợp có thay

đổi, phải kịp thời thông báo bổ sung cho Cảng vụ Hàng hải chậm nhất 02 giờ sau khi nhận được yêu cầu cung cấp hoặc hủy bỏ dịch vụ.

4. Việc cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước bến cảng, vùng nước bến phao phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định về công suất, số lượng, tính năng (loại) tàu lai.

Điều 26. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu thuyền được lai dắt, hỗ trợ và thuyền trưởng tàu lai

1. Thuyền trưởng, hoa tiêu tàu thuyền được lai dắt và thuyền trưởng tàu lai hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ Hàng hải biết việc cung cấp tàu lai chậm trễ hoặc không đủ số lượng, công suất, loại tàu lai hỗ trợ theo quy định.

2. Trước khi tàu thuyền đến vị trí thỏa thuận sử dụng dịch vụ lai dắt, thuyền trưởng tàu lai và thuyền trưởng tàu được lai phải trao đổi, thống nhất phương pháp lai hỗ trợ; vị trí để buộc dây lai hoặc vị trí lai đẩy, nếu tàu được lai có những vị trí đặc biệt để sử dụng cho việc tàu lai đẩy thì phải thông báo cho thuyền trưởng tàu lai biết.

3. Trường hợp tàu thuyền được lai có hoa tiêu dẫn tàu trên tàu, thuyền trưởng có thể trao đổi, ủy quyền cho hoa tiêu liên lạc với thuyền trưởng tàu lai.

4. Sử dụng dây lai dắt phải phù hợp và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

5. Dây mồi phải chuẩn bị sẵn sàng để sử dụng trong trường hợp đưa dây lai không thành công.

6. Đối với tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 100 m phải có một dây buộc tàu chuẩn bị sẵn sàng phía trước mũi để có thể kết nối với tàu lai trong tình huống khẩn cấp.

7. Tại các cảng dầu khí ngoài khơi, dây kết nối giữa tàu lai và tàu nhận dầu phải là dây chuyên dùng, bảo đảm an toàn. Cấm trường hợp kết hợp, đấu nối giữa dây cáp của tàu lai với dây buộc tàu của tàu nhận dầu thô làm dây lai.

Mục 6

AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 27. Bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 1, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Tàu thuyền, bến cảng thuộc đối tượng áp dụng của Bộ luật Quốc tế về An ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật này và các quy định pháp luật liên quan khác.

3. Cấp độ an ninh cảng biển được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật tại trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

Điều 28. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ Hàng hải xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển trong các trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai dắt có tổng chiều dài đoàn lai vượt quá 200m.

2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố ô nhiễm dầu tràn, an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải.

3. Vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc sửa chữa, thay thế báo hiệu hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

4. Khi tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu thuyền bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.

5. Khi tiến hành hạ thủy tàu biển từ các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển hoặc khi tiến hành hạ thủy cầu kiện công trình siêu trường, siêu trọng.

Điều 29. Quản lý vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố thông báo hàng hải

1. Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải có trách nhiệm:

a) Bảo đảm các báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố.

b) Kịp thời thông báo cho Cảng vụ Hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS biết:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch.

- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch các báo hiệu hàng hải.

- Các thông tin cần thiết khác.

c) Cung cấp cho Cảng vụ Hàng hải “Bình đồ đo sâu” thể hiện kết quả khảo sát, đo đặc độ sâu luồng hàng hải, thủy diện cảng, vùng neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu nước, vùng nước do đơn vị mình tổ chức thực hiện.

d) Định kỳ hàng quý (chậm nhất đến ngày 05 của quý sau) gửi báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cảng vụ Hàng hải theo Mẫu số 17 quy định tại phụ lục ban hành kèm Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Danh mục báo hiệu hàng hải được cập nhật tại trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaivungtao.gov.vn>.

Điều 30. Bảo vệ môi trường

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 2, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Việc chuyển tải dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm độc hại khác chỉ được thực hiện tại vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định, trong điều kiện bảo đảm an toàn và thời tiết phù hợp. Khi thực hiện phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn bơm, chuyển hàng hóa và phải có phương tiện, trang thiết bị ứng cứu sự cố dầu tràn, phòng chống cháy nổ phù hợp thường trực tại vị trí làm hàng.

2. Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp có chức năng hợp pháp khác khi tiếp nhận chất thải thu gom là các dung dịch khoan nền dầu, nước vữa, mùn khoan .v.v... từ các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác dầu khí hoặc chất thải rắn, chất thải nguy hại từ tàu thuyền phải lập, lưu giữ nhật ký tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định và có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin, số liệu liên quan cho Cảng vụ Hàng hải khi được yêu cầu.

3. Chất thải thu gom từ hoạt động đóng tàu, sửa chữa tàu, phá dỡ tàu cũ (hạt nix, cát thải ...) phải được thu gom tập trung tại các bãi thải hoặc kho chứa phù hợp, có thiết bị che chắn nhằm tránh thẩm thấu, khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước. Chất thải trong quá trình sửa chữa, cắt dỡ từ tàu cũ phải được thu gom triệt để, phân loại theo tính chất để có biện pháp tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy phù hợp.

4. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

5. Ống chuyển dầu giữa tàu chứa, kho chứa và tàu nhận dầu tại các cảng dầu khí ngoài khơi, bến phao phải có van tự động khóa hoặc biện pháp phù hợp nhằm phòng tránh dầu tràn ra ngoài trong quá trình đấu nối hoặc thu ống.

Điều 31. Đồ rác, xả nước thải, nước dằn tàu và tiếp nhận, xử lý chất thải lỏng có dầu

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ vệ sinh tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc đồ rác, xả nước thải và nước dằn tàu theo quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được phân loại theo quy định và đựng trong vật chứa phù hợp để bàn giao cho đơn vị thu gom khi tàu đến cảng. Trừ trường hợp trên tàu có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng, việc thu gom phải được tiến hành hàng ngày đối với tàu khách, hai ngày một lần đối với tàu thuyền nước ngoài và 4 ngày một lần đối với tàu thuyền Việt Nam.

3. Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ hoặc tàu chuyên dùng theo đúng quy định.

4. Tàu thuyền có nhu cầu thanh thải, xử lý chất thải lỏng lẫn dầu hoặc chất thải nguy hại khác phải khai báo với Cảng vụ Hàng hải tại ‘Bản khai chung’ khi tàu đến cảng và chỉ thực hiện sau khi được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

Điều 32. Kiểm dịch y tế Quốc tế, kiểm dịch thực vật, động vật

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế Quốc tế biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

2. Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng, cách ly giám sát dịch bệnh hoặc các hoạt động kiểm dịch khác tại các vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trước và trong khi tiến hành phải trưng đèn hoặc treo cờ, dấu hiệu cảnh báo theo quy định, đồng thời phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực của tàu thuyền neo đậu.

Điều 33. Tìm kiếm, cứu nạn

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ tìm kiếm, cứu nạn quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp bất khả kháng hay do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF, DSC..., thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải, đồng thời dùng mọi biện pháp để thông báo huỷ bỏ các tín hiệu cấp cứu đã phát trước đó.

Điều 34. Xử lý tai nạn hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan khác.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng có trách nhiệm:

a) Khẩn trương tiến hành các biện pháp cần thiết đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải hoặc Trung tâm điều hành hệ thống VTS, đồng thời phải tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra sau tai nạn, sự cố hàng hải.

c) Gửi Cảng vụ Hàng hải báo cáo tai nạn theo quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

Mục 7

PHÒNG, CHỐNG CHÁY, NỔ VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Điều 35. Phòng, chống cháy, nổ

Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy nổ tại các Điều 113, Điều 114, Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Luật phòng cháy chữa cháy và yêu cầu sau đây:

1. Trước khi thực hiện chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác tại khu chuyển tải, bến phao phải xây dựng phương án phòng, chống cháy, nổ trình Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt. Việc chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

2. Khi xảy ra sự cố cháy, nổ trong phạm vi vùng đất cảng, vùng nước thủy diện cảng, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng phó kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy biết, phối hợp xử lý.

3. Định kỳ cuối Quý 1 hàng năm, doanh nghiệp cảng phải rà soát, bổ sung, sửa đổi phương án phòng chống cháy nổ trong phạm vi vùng đất cảng, vùng nước thủy diện cảng cho phù hợp và sao gửi, báo cáo Cảng vụ Hàng hải biết, giám sát.

Điều 36. Ứng phó sự cố môi trường

Thuyền trưởng, doanh nghiệp cảng và các doanh nghiệp hoạt động hàng hải tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định liên quan tại Điều 118, Điều 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

Mục 8

TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 37. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng, Điều 67, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và yêu cầu sau đây:

1. Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, chủ đầu tư gửi Cảng vụ Hàng hải bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và phương án đảm bảo an toàn hàng hải để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định.

2. Sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng hoặc bến phao, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Cảng vụ Hàng hải các giấy tờ liên quan theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 hoặc Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP để tổ chức quản lý.

3. Định kỳ cuối Quý I hàng năm, báo cáo Cảng vụ Hàng hải về điều kiện an toàn khai thác cảng, bến phao (giới hạn về điều kiện khí tượng, thủy văn và các yêu cầu hạn chế khác).

4. Thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải trước khi tiến hành các hoạt động sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cầu, bến cảng, bến phao hoặc tiến hành các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại cảng biển; chỉ tiến hành các hoạt động này khi được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

5. Bố trí công nhân lành nghề, được trang bị bảo hộ lao động phù hợp để phục vụ buộc, cởi dây và xếp dỡ hàng hóa. Tổ trưởng trực tiếp phụ trách công nhân buộc, cởi dây tại cầu cảng phải được trang bị VHF cầm tay để bảo đảm việc liên lạc, trao đổi với Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu thuyền liên quan và phải

được thông báo rõ về kế hoạch, cách thức buộc, cởi dây để chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu vào hoặc rời cảng.

6. Trong thời gian điều động tàu thuyền cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cầu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu vươn ra ngoài vùng nước trước cầu cảng phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hay thực hiện công việc cần thiết khác, doanh nghiệp cảng phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải biết; đồng thời, áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

7. Ngay sau khi có kế hoạch tiếp nhận tàu thuyền, phải thông báo cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu biết về thông số kỹ thuật của cầu cảng, bến phao và điều kiện an toàn khai thác.

8. Tàu thuyền sử dụng để phục vụ công tác bắt/ tháo dây buộc tàu tại bến phao phải đảm bảo định biên, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và được sự chấp thuận của Cảng vụ Hàng hải.

9. Khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp vào khu vực phải:

- Tổ chức lực lượng thường trực 24/24 giờ. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ phương tiện, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở ...

- Thông báo kịp thời thông tin về diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới; điều kiện an toàn khai thác cảng để thuyền trưởng tàu thuyền neo đậu tại cảng chủ động tìm vị trí neo đậu, trú ẩn an toàn.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện phù hợp thực hiện Lệnh điều động phối hợp tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

10. Khi tồn tại hàng hóa quá thời hạn làm thủ tục Hải quan có nguy cơ gây cháy nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải tổng hợp, thông báo cho Cảng vụ Hàng hải và Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu biết.

Điều 38. Trách nhiệm của Đại lý tàu biển

Thực hiện theo quy định tại Chương III, Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, các quy định khác có liên quan của pháp luật và yêu cầu sau:

1. Trước khi tàu đến cảng biển, cung cấp Nội quy cảng biển; đặc điểm, thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, cảng/ bến phao, khu nước, vùng nước và đề nghị thuyền trưởng, chủ tàu nghiên cứu, chấp hành.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ Hàng hải và cơ quan chức năng để được thông báo các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải và các khuyến cáo cần thiết khác về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải nhằm kịp thời cung cấp tới thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Khi bổ trí mới hoặc thay đổi đại lý viên làm dịch vụ đại lý hàng hải phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biết.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nội quy này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017 và thay thế Nội quy các cảng biển thuộc địa phận tỉnh

Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 421/QĐ-CVVT ngày 05/12/2007 của Giám đốc Cảng vụ Vũng Tàu.

2. Ban hành kèm theo Nội quy này 6 phụ lục.

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật hàng hải Việt Nam, Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và Nội quy này.

2. Trưởng các phòng nghiệp vụ và Trưởng đại diện, Trạm thường trực của Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Nội quy này.

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHI TIẾT PHẠM VI VÙNG NƯỚC CÁC CẢNG
BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57/2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

*Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012
của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm
2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại
công văn số 146/UBND.VP ngày 08 tháng 01 năm 2014; Ủy ban nhân
dân tỉnh Bến Tre tại công văn số 6323/UBND-KTN ngày 24 tháng 12
năm 2013; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại công văn số
394/UBND-ĐTQH ngày 10 tháng 02 năm 2014; Sở Giao thông vận tải
tỉnh Sóc Trăng tại công văn số 1453/SGTVT-QLGT ngày 21 tháng 12
năm 2013 (được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ủy quyền tại công văn
số 3544/PC-VP ngày 19 tháng 12 năm 2013); Sở Giao thông vận tải tỉnh
Trà Vinh tại công văn số 346/SGTVT-KHTC ngày 20 tháng 12 năm
2013 (được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ủy quyền tại công văn số
4532/UBND-KTKT ngày 16 tháng 12 năm 2013);*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục
Hàng hải Việt Nam,*

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.

Điều 1. Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Vũng Tàu.
2. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Bạch Hổ.
3. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rồng.
4. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Đại Hùng.
5. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rạng Đông.
6. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây.
7. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Tê Giác Trắng.
8. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Chim Sáo.
9. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Lan Tây.
10. Vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Biển Đông.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Vũng Tàu:

a) Ranh giới về phía biển (phía Nam và phía Tây Nam vịnh Gành Rái): được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm GR1, GR2, GR3, GR4, GR5 và GR6 có tọa độ sau đây:

GR1: 10°19'15" N, 107°04'55" E (mũi Vũng Tàu);

GR2: 10°14'00" N, 107°07'56" E;

GR3: 10°11'00" N, 107°07'56" E;

GR4: 10°11'00" N, 107°00'00" E;

GR5: 10°24'00" N, 107°00'00" E;

GR6: 10°25'10" N, 106°58'12" E (mép bờ phía Đông Bắc mũi Cần Giờ).

b) Ranh giới về phía bờ Tây vịnh Gành Rái: từ điểm GR6 chạy dọc theo đường kinh tuyến 106°58'12" E (là ranh giới với vùng nước cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh), nối với mép bờ phía Nam cù lao Phú Lợi.

b) Ranh giới về phía bờ Bắc vịnh Gành Rái: từ giao điểm của đường kinh tuyến 106°58'12" E với mép bờ phía Nam cù lao Phú Lợi, chạy theo bờ phía Đông cù lao Phú Lợi lên phía Bắc tới điểm nhô xa nhất của bờ hữu ngạn cửa sông Cái Mép.

d) Ranh giới trên sông Cái Mép, sông Thị Vải:

Từ hai điểm nhô xa nhất của cửa sông Cái Mép chạy dọc theo hai bờ sông Cái Mép đến ngã ba sông Cái Mép - sông Gò Gia - sông Thị Vải.

Từ hai điểm nhô xa nhất của cửa sông Thị Vải (tại ngã ba sông Thị Vải - sông Gò Gia - sông Cái Mép) chạy dọc theo hai bờ sông Thị Vải đến đường vĩ tuyến 10°38'24" N.

đ) Ranh giới về phía bờ Đông Bắc vịnh Gành Rái: từ tả ngạn cửa sông Cái Mép chạy dọc theo bờ vịnh Gành Rái qua mép bờ Tây Nam cù lao Phú Lợi, qua cửa rạch Đông, đến rạch Ông Bền.

e) Ranh giới trên rạch Ông Bền, sông Rạng:

Từ hai điểm nhô xa nhất của cửa rạch Ông Bền chạy dọc theo hai bờ rạch Ông Bền đi về phía thượng lưu sông Rạng đến đường kinh tuyến 107°03'30" E cắt ngang sông.

Từ điểm nhô xa nhất của bờ tả ngạn cửa rạch Ông Bền chạy theo đường bờ phía Tây Nam xã Long Sơn, đến điểm GR7 và GR8 có tọa độ sau đây:

GR7: $10^{\circ}26'08''$ N, $107^{\circ}06'00''$ E;

GR8: $10^{\circ}25'00''$ N, $107^{\circ}07'00''$ E (mép bờ phía Nam Gò Công).

g) Ranh giới trên sông Dinh, sông Rạch Bà:

Từ điểm GR8 chạy dọc theo bờ hữu ngạn sông Dinh qua cầu cảng Công ty Hải sản Trường Sa đến đường thẳng ranh giới cắt ngang sông tại đường vĩ tuyến $10^{\circ}26'33''$ N. Từ giao điểm của đường thẳng cắt ngang sông tại đường vĩ tuyến $10^{\circ}26'33''$ N với mép bờ tả ngạn sông Dinh chạy theo bờ sông Dinh về phía hạ lưu sông tới điểm nhô xa nhất của bờ hữu ngạn cửa sông Rạch Bà.

Từ hai điểm nhô xa nhất của cửa sông Rạch Bà chạy dọc theo hai bờ sông Rạch Bà đến đường thẳng cắt ngang sông cách mép ụ tàu Vungtau Shipyard 100 mét về phía thượng lưu (là ranh giới giữa ụ tàu Vungtau Shipyard với cảng chuyên dùng của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam).

Từ điểm nhô xa nhất của bờ tả ngạn cửa sông Rạch Bà chạy dọc theo bờ Bắc cù lao Bến Đình đến mũi Gành Rái.

Từ mũi Gành Rái chạy theo đường bờ biển đến điểm GR1.

h) Ranh giới tại khu vực Côn Đảo:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm BĐ1, BĐ2, BĐ3 và BĐ4 có tọa độ sau đây:

BĐ1: $08^{\circ}39'47''$ N, $106^{\circ}32'23''$ E (mũi phía Tây Bắc - hòn Bà);

BĐ2: $08^{\circ}42'26''$ N, $106^{\circ}32'08''$ E (mũi phía Tây Nam - hòn Tre Lớn);

BĐ3: $08^{\circ}41'08''$ N, $106^{\circ}33'13''$ E (mũi phía Tây Nam - hòn Trắc);

BĐ4: $08^{\circ}41'01''$ N, $106^{\circ}33'34''$ E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm BĐ4 chạy theo đường bờ về phía Nam đến đường bờ phía Đông Bắc (hòn Bà) tới điểm BĐ1.

2. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Bạch Hổ:

Được giới hạn bởi 03 đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại các vị trí BH1, BH2 và BH3 có tọa độ sau đây:

BH1: $09^{\circ}46'31''$ N, $107^{\circ}58'43''$ E;

BH2: $09^{\circ}48'54''$ N, $108^{\circ}00'09''$ E;

BH3: $09^{\circ}43'51''$ N, $107^{\circ}57'02''$ E.

3. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rồng:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí MR có tọa độ sau đây:

MR: $09^{\circ}34'33''$ N, $107^{\circ}52'52''$ E.

4. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Đại Hùng:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí ĐH có tọa độ sau đây:

ĐH: $08^{\circ}28'36''$ N, $108^{\circ}41'06''$ E.

5. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rạng Đông:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí RĐ có tọa độ sau đây:

RĐ: $10^{\circ}01'16''$ N, $108^{\circ}16'01''$ E.

6. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí RĐ - RĐT có tọa độ sau đây:

RĐ-RĐT: $07^{\circ}48'36''$ N, $108^{\circ}11'01''$ E.

7. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Tê Giác Trắng:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí TGT có tọa độ sau đây:

TGT: 09°58'25" N, 107°58'10" E.

8. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Chim Sáo:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí CS có tọa độ sau đây:

CS: 07°20'43" N, 108°18'36" E.

9. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Lan Tây:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí LT có tọa độ sau đây:

LT: 07°34'45" N, 108°52'03" E.

10. Phạm vi vùng nước cảng dầu khí ngoài khơi mỏ Biển Đông:

Được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí HT - MT có tọa độ sau đây:

HT-MT: 08°03'06" N, 108°54'24" E.

11. Phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số IA - 100 - 23 tái bản năm 2006 của Hải quân nhân dân Việt Nam và các hải đồ liên quan khác. Tọa độ các điểm quy định trong Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN - 2000 và được chuyển sang các Hệ tọa độ tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu và các Cảng vụ Hàng hải liên quan

1. Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Căn cứ vào tình hình thực tế về điều kiện khí tượng thủy văn, món nước, trọng tải của tàu thuyền và tính chất hàng hóa, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón, trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trách nhiệm phối hợp quản lý giữa Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu với các Cảng vụ Hàng hải: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Mỹ Tho, Đồng Tháp và Bình Thuận:

a) Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu có trách nhiệm:

Căn cứ vào tình hình thực tế về khí tượng thủy văn, tính chất của hàng hóa, món nước, trọng tải của tàu thuyền vào, rời các cảng biển do các Cảng vụ Hàng hải: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Mỹ Tho, Đồng Tháp và Bình Thuận quản lý, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, tránh bão trong vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được quy định tại Điều 3 của Thông tư này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền đến vùng đón trả hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải liên quan biết.

b) Các Cảng vụ Hàng hải: thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Mỹ Tho, Đồng Tháp và Bình Thuận có trách nhiệm:

Thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu biết tên, quốc tịch, các thông số kỹ thuật chính và những thông tin cần thiết khác của tàu thuyền chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền đến vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu.

Thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu biết việc điều động tàu thuyền rời vị trí do Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu chỉ định để vào

vùng nước cảng biển do mình quản lý chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền rời vị trí.

Thực hiện thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng theo quy định đối với trường hợp tàu thuyền đến vùng nước cảng biển do Cảng vụ Hàng hải đó quản lý.

Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu giải quyết những vụ việc phát sinh đối với tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Long An, Đồng Tháp và Bình Thuận khi tàu thuyền hoạt động tại vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng

Ngoài phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Sóc Trăng.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Bãi bỏ Quyết định số 46/2007/QĐ-BGTVT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Bình Thuận và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho, Giám đốc Cảng vụ

Hàng hải Đồng Tháp, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận, Giám đốc Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Thuận, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Tháp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đinh La Thăng

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, PC.

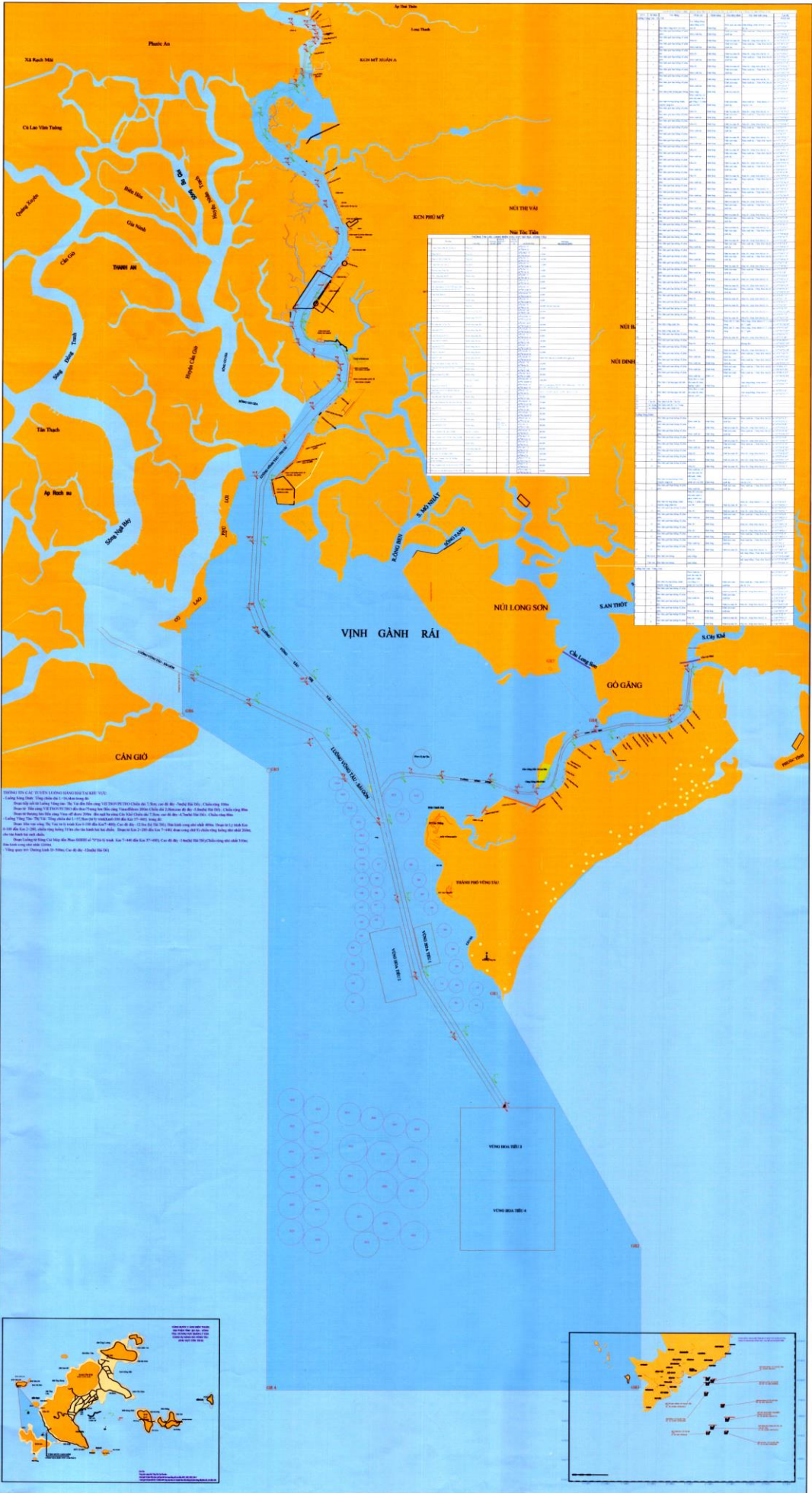
**CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ GIỚI HẠN VÙNG NƯỚC
CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**
(Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BGTVT
ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Điểm/ Đường	Hệ VN - 2000		Hệ WGS - 84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
GR1	10°19'15"N	107°04'55"E	10°19'11"N	107°05'01"E
GR2	10°14'00"N	107°07'56"E	10°13'56"N	107°08'02"E
GR3	10°11'00"N	107°07'56"E	10°10'56"N	107°08'02"E
GR4	10°11'00"N	107°00'00"E	10°10'56"N	107°00'06"E
GR5	10°24'00"N	107°00'00"E	10°23'56"N	107°00'06"E
GR6	10°25'10"N	106°58'12"E	10°25'06"N	106°58'18"E
GR7	10°26'08"N	107°06'00"E	10°26'04"N	107°06'06"E
GR8	10°25'00"N	107°07'00"E	10°24'56"N	107°07'06"E
BĐ1	08°39'47"N	106°32'23"E	08°39'43"N	106°32'30"E
BĐ2	08°42'26"N	106°32'08"E	08°42'22"N	106°32'15"E
BĐ3	08°41'08"N	106°33'13"E	08°41'04"N	106°33'20"E
BĐ4	08°41'01"N	106°33'34"E	08°40'57"N	106°33'41"E
BH1	09°46'31"N	107°58'43"E	09°46'28"N	107°58'50"E
BH2	09°48'54"N	108°00'09"E	09°48'51"N	108°00'16"E
BH3	09°43'51"N	107°57'02"E	09°43'48"N	107°57'09"E
MR	09°34'33"N	107°52'52"E	09°34'30"N	107°52'59"E
ĐH	08°28'36"N	108°41'16"E	08°28'33"N	108°41'23"E
RĐ	10°01'16"N	108°16'01"E	10°01'12"N	108°16'08"E
RĐ-RĐT	07°48'36"N	108°11'01"E	07°48'32"N	108°11'08"E
TGT	09°58'25"N	107°58'10"E	09°58'22"N	107°58'17"E
CS	07°20'43"N	108°18'36"E	07°20'40"N	108°18'43"E
LT	07°34'45"N	108°52'03"E	07°34'42"N	108°52'10"E
HT-MT	08°03'06"N	108°54'24"E	08°03'02"N	108°54'30"E
Đường kinh tuyến		107°03'30"E		107°03'36"E
Đường kinh tuyến		106°58'12"E		106°58'19"E
Đường vĩ tuyến	10°38'24"N		10°38'21"N	
Đường vĩ tuyến	10°26'33"N		10°26'30"N	

SƠ ĐỒ VÙNG NƯỚC CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Các sơ đồ in tại Nội quy cảng biển này thể hiện sơ bộ giới hạn vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bản chính sơ đồ vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị truy cập tại trang thông tin điện tử: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

SƠ ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TẠI KHU VỰC VÙNG TÀU



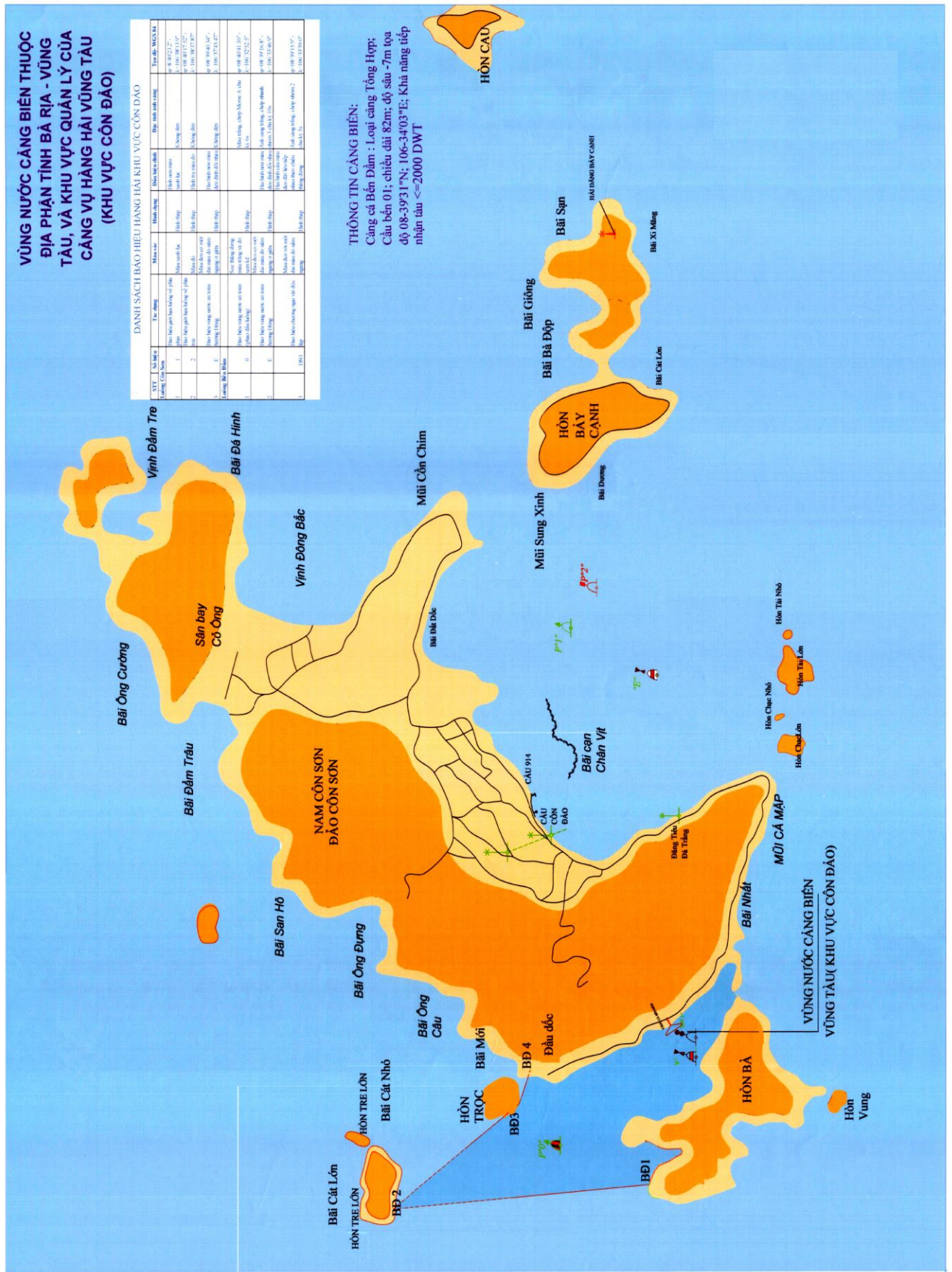
SƠ ĐỒ VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TẠI KHU VỰC CÔN ĐẢO

**VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THUỘC
ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG
TÀU, VÀ KHU VỰC QUẢN LÝ CỦA
CẢNG VỊ HÀNG HẢI VŨNG TÀU
(KHU VỰC CỎN ĐÀO)**

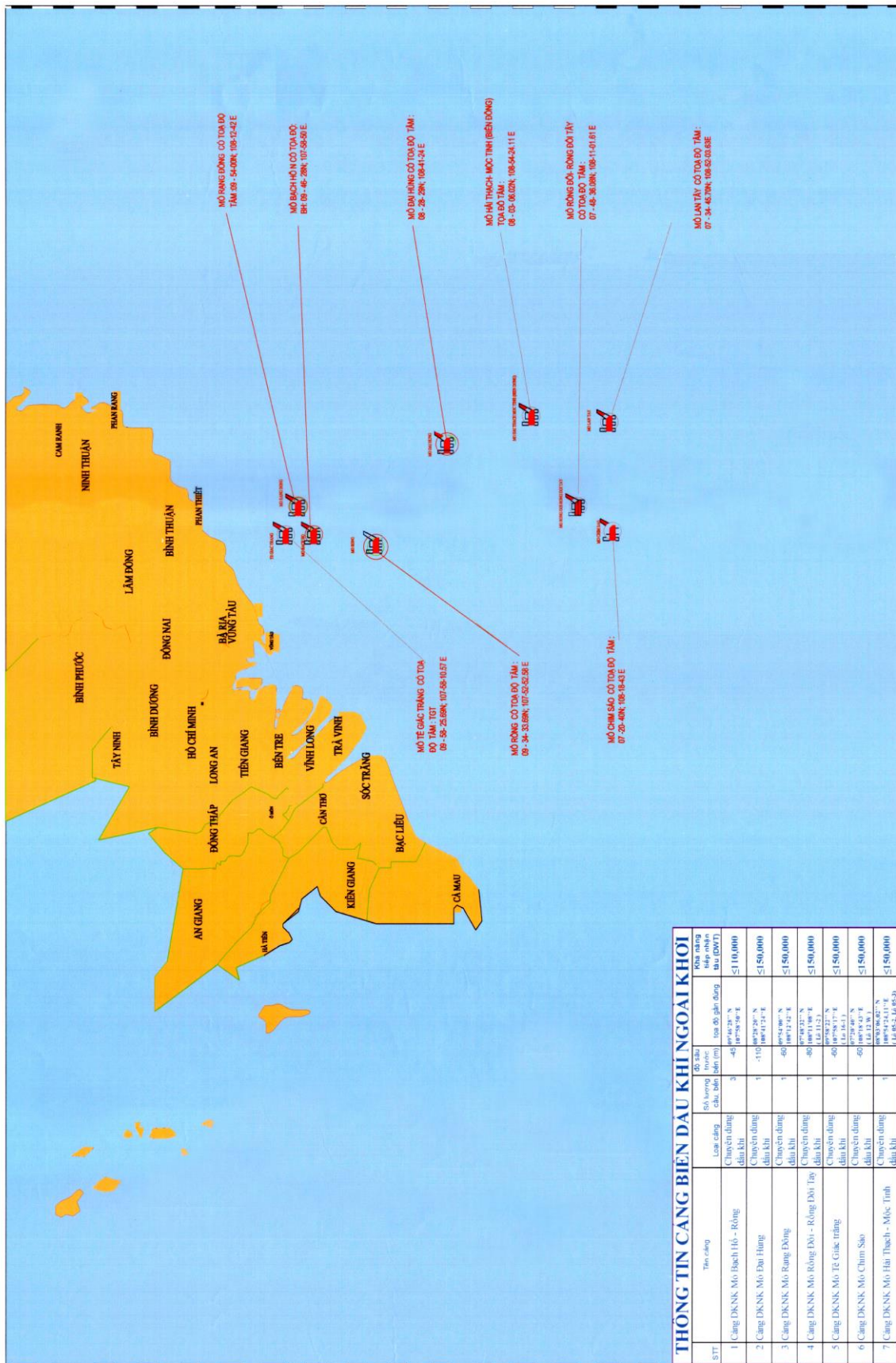
[illegible]

THÔNG TIN CẢNG BIÊN:

Cảng cá Bến Đầm : Loại cảng Tổng Hợp;
Cầu bến 01; chiều dài 82m; độ sâu -7m tọa
độ 08-39'31"N; 106-34'03"E; Khả năng tiếp
nhận tàu <=2000 DWT



CÁC CẢNG DẦU KHÍ NGOÀI KHƠI TRONG PHẠM VI VÙNG NƯỚC CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU



Phụ lục 2

THÔNG TIN VỀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH KHÁC TẠI CẢNG BIỂN

1. Cơ quan quản lý nhà nước về an ninh, trật tự:

Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Bà Rịa – Vũng Tàu là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh, trật tự biên giới quốc gia trên đất liền, hải đảo, vùng biển và tại cửa khẩu:

- Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

+ Địa chỉ: số 89, đường Lê Lợi, phường 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3838707; 0254.3832546.

+ Fax: 0254.3542759; 0254.3543386.

- Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Địa chỉ: số 49, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3838406.

+ Fax: 0254.3591519; 0254.3591520.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về hải quan:

Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Tàu là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan:

- Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

+ Địa chỉ: số 16, đường Lê Lợi, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3511949.

+ Fax: 0254.3858002.

- Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Vũng Tàu:

+ Địa chỉ: số 47, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại/Fax: 0254.3838380.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm dịch:

- Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiểm dịch y tế Quốc tế cửa khẩu tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu :

+ Địa chỉ: số 19, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Phước Hưng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3731280.

+ Fax: 0254.3731280.

- Khoa Kiểm dịch y tế biên giới.

+ Địa chỉ: số 31, đường Lê Lợi, phường 4, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.6254166.

+ Fax: 0254.3838987.

- Trạm Kiểm dịch Thực vật Vũng Tàu là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu:

+ Địa chỉ: số 100, đường Hạ Long, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3810196.

+ Fax: 0254.3810196.

- Trạm Kiểm dịch Động vật xuất nhập khẩu Vũng Tàu là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiểm dịch động vật tại cửa khẩu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

+ Địa chỉ: số 243, đường Bình Giã, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Điện thoại: 0254.3852862.

+ Fax: 0254.3852862.

PHỤ LỤC 3.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

I. HẢI ĐỒ

Tàu thuyền khi đến các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có thể sử dụng các hải đồ:

1. Hải đồ Anh (British Admiralty Chart)

BA 3482; BA 3986; BA 1261; BA 1100; BA 1059.

2. Hải đồ do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản

I-300-07; IA-25-37; IA-75-37; IA-50-40.

3. Hải đồ do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam in ấn, phát hành

VN4SD001; VN3GR001; VN4TV001; VN4TV002; VN4SG002; VN4CĐ001.

4. Hải đồ điện tử:

VN4TV101; VN4TV102; VN5DT001; VN5SDI01

II. QUY HOẠCH CẢNG BIỂN

Tham khảo quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển Đông Nam Bộ (Nhóm 5) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 3655/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2017.

III. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CÁC BẾN CẢNG ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN THẨM QUYỀN CÔNG BỐ

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ BẾN CẢNG, CẦU CẢNG TRONG PHẠM VI VÙNG NƯỚC CÁC CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
CÁC CẢNG TRÊN KHU VỰC LUỒNG HÀNG HẢI SÔNG DINH Chuẩn tắc luồng theo thiết kế: Tổng chiều dài tuyến luồng L = 16,6 km, trong đó: + Đoạn ngoài biển (nối tiếp từ luồng Vũng Tàu – Thị Vải vào sông Dinh đến cảng Vietsovpetro): Chiều dài tuyến luồng: L = 7,5 km; Cao độ đáy: H = -7,0m (hệ Hải đồ); Chiều rộng luồng: B = 100m. + Đoạn từ Bến cảng Vietsovpetro đến thượng lưu Bến cảng Vina Offshore 200m): Chiều dài tuyến luồng: L = 2,0 km; Cao độ đáy: H = -5,8m (hệ Hải đồ); Chiều rộng luồng: B = 80m. + Đoạn từ thượng lưu Bến cảng Vina Offshore 200m đến ngã ba sông Cây Khế): Chiều dài tuyến luồng: L = 7,1 km; Cao độ đáy: H = -4,7m (hệ Hải đồ); Chiều rộng luồng: B = 80m. Độ sâu thực tế của luồng đề nghị tham khảo Thông báo hàng hải mới nhất do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam công bố.								
1	Cầu cảng của Công ty hải sản Trường Sa (HQ 129)	Công ty TNHH MTV Hải sản Trường Sa	Số 1451, Đường 30/4, Phường 12, Tp. Vũng Tàu Tel : 0254 3848315; Fax: 0254 3848767	Quyết định số 684/PCHH ngày 24/3/1997 của Cục Hàng hải Việt Nam	Quân sự	01	352	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
2	Cầu cảng của Công ty TNHH Hà Lộc	Công ty TNHH Hà Lộc	Số 1291, Đường 30/4, Phường 11, Tp. Vũng Tàu Tel:02543620284/ <u>3594568</u> Fax:02543620396/ 3525452	Quyết định số 722/QĐ-CHHVN ngày 18/07/2009 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	100	
3	Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	Số 1007/34 , Đường 30/4 Phường 11, Tp.Vũng Tàu. Tel: 02543.848655 ; Fax: 02543.849540;	Quyết định số 731/QĐ-CHHVN ngày 21/11/2003 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp, thủy sản	01	120	
4	Cảng Thủy sản Cát Lở	Ban Quản Lý Cảng Bến Đầm	Số 1007/36, Đường 30/4, Phường 11, TP.Vũng Tàu Tel: 02543 621713 Fax:02543 621047	Quyết định số 386/QĐ-GT ngày 09/3/1992 của Bộ Giao thông vận tải và bưu điện	Tổng hợp, thủy sản	01	110	
5	Bến cảng Thương cảng Vũng Tàu (Phân cảng Cát Lở)	Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Số 973, Đường 30/4, Phường 11, Tp. Vũng Tàu. Tel: 0254 848312 Fax: 0254 848193	Quyết định số 706/QĐ.PC ngày 14/4/1987 của Bộ Giao thông vận tải	Tổng hợp, thủy sản	01	250	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
6	Phân cảng dầu Vũng Tàu (Cảng dầu K.2)	Công ty xăng dầu Bà Rịa-Vũng Tàu	Số 12, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường 2, TP.Vũng Tàu Tel 0254 3832043; Fax : 0254 3832195	Quyết định số 545/QĐ/VT ngày 27/3/1991 của Bộ Giao thông vận tải và bưu điện	Chuyên dụng xăng dầu	01	82	
7	Cầu cảng NASOS	Trung tâm UPSCTD Khu vực phía Nam	Số 879, Đường 30/4, Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3590124; Fax: 0254 3590128	Quyết định số 83/QĐ-CHHVN ngày 28/01/2015 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	01	132	
8	Cầu cảng và Ụ tàu (Vùng tàu shipyard)	Công ty cổ phần Đóng tàu và dịch vụ dầu khí Vũng Tàu	Số 847/4, Đường 30/4, Phường 11, Tp Vũng Tàu Tel:0254 3522781; Fax: 38491254;	Quyết định số 805/QĐ-CHHVN ngày 07/10/2005 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng đóng và sửa chữa tàu	01	50	
9	Cầu cảng trang trí 10.000 DWT thuộc nhà máy đóng và sửa chữa tàu biển Sài Gòn	Công ty TNHH đóng tàu và cơ khí hàng hải Sài Gòn	KCN Đông Xuyên, phường Rạch Dừa, Tp Vũng Tàu; Tel 0254 6255999; Fax: 0254 6255995	Quyết định số 312/QĐ-CHHVN ngày 14/05/2013 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng đóng và sửa chữa tàu	01	100	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
10	Cầu cảng Khu công nghiệp Đông Xuyên	Công ty Cổ phần cảng Đông Xuyên	Đường số 12 - KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3613761; Fax: 0254 3613861	Quyết định số 1045/QĐ- CHHVN ngày 09/10/2015 và Quyết định số 1997/QĐ- CHHVN ngày 27/12/2016 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	180	
11	Cầu cảng 3.000 DWT của Cty TNHH Kỹ thuật cơ khí Hàng hải Vina Offshore	Công ty TNHH Kỹ thuật CKHH Vina Offshore	KCN Đông Xuyên, Phường Rạch dừa, Tp Vũng Tàu Tel 0254 3832888; Fax : 0254 3832828;	Quyết định số 950/QĐ-CHHVN ngày 05/12/2011 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	01	82	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
12	Cầu cảng của Công ty TNHH Vard Vũng Tàu	Công ty TNHH VARD Vũng Tàu	Đường số 6-KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3615600; Fax: 0254 3615601	Quyết định số 168/QĐ-CHHVN ngày 12/3/2010 và Quyết định số 1398/QĐ- CHHVN ngày 07/9/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng đóng và sửa chữa tàu	01	140	
13	Cầu cảng Kho Xăng dầu Đông Xuyên	Công ty Cổ phần Hóa dầu Vạn An	KCN Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3611080; Fax: 0254 3840045;	Quyết định số 634/QĐ-CHHVN ngày 18/7/2005 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	156	
14	Cầu cảng chuyên dùng kho xăng dầu (Cảng dầu PTSC)	Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	Số 54B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất. Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3594568 Fax: 0254 3832707	Quyết định số 97/1999/QĐ- CHHVN ngày 10/5/1999 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	138	
15	Cầu cảng số 2 thuộc Kho Xăng dầu Cù Lao Tào	Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	Số 54B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất. Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3594568 Fax: 0254 3832707	Quyết định số 896/QĐ-CHHVN ngày 10/09/2009 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	160	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
16	Phân cảng dịch vụ dầu khí Vũng Tàu (Thượng lưu PTSC)	Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) - Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	Số 54B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất. Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3594568 Fax: 0254 3832707	Quyết định số 653/QĐ-VT ngày 25/4/1992 của Bộ Giao thông vận tải	Chuyên dụng xăng dầu	01	120	
17	Phân cảng dịch vụ dầu khí chuyên dùng (Cảng Vietsov Petro)	Xí Nghiệp Dịch vụ cảng và cung ứng vật tư thiết bị, Liên doanh dầu khí Việt - Nga Vietsovpetro	Số 69, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3838662 Fax: 0254.3554097;	Quyết định số 706/QĐ.PC ngày 14/4/1987 của Bộ Giao thông vận tải	Dịch vụ dầu khí	10	1.400	
18	Cầu cảng Hạ lưu PTSC	Công ty Cảng Dịch vụ dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3838104; Fax: 0254 3838344	Quyết định số 363/QĐ- ĐKTBTV ngày 05/12/1997 và Quyết định số 954/QĐ-CHHVN ngày 08/12/2011 của Cục Hàng hải Việt Nam	Dịch vụ dầu khí	07	733,12	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
19	Cầu cảng Chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyard)	Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, P. Thắng Nhất , Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3545555; Fax: 0254 3512121	Quyết định số 41/QĐ-CHHVN ngày 10/01/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam	Đóng, sửa chữa tàu, giàn khoan	01	156	
20	Cầu cảng PVC-MS	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và lắp máy dầu khí	Số 02, Đường Nguyễn Hữu Cánh, phường thắng Nhất, Tp Vũng Tàu Tel: 02543848229; Fax: 0254 3848404;	Quyết định số 318/QĐ-CHHVN ngày 15/05/2013 của Cục Hàng hải Việt Nam	Dịch vụ dầu khí	01	142	
21	Bến phao neo tàu dầu trọng tải 50.000 DWT	Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) – Xí nghiệp Tổng kho xăng dầu Miền Đông	Số 54B, Đường 30/4, P. Thắng Nhất, Tp Vũng Tàu Tel: 0254 3594568/3594569 Fax: 0254 3832707	Quyết định số 120/QĐ-CHHVN ngày 11/02/2010 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	01	280	
22	Bến phao Hoàng Nguyên Vũng Tàu	Công ty TNHH Hoàng Nguyên Vũng Tàu	Số 09- Đường Hạ Long, Phường 2, Tp. Vũng Tàu Tel: 0254 3616419; Fax: 0254 3616419	Quyết định số 352/QĐ-CHHVN ngày 28/03/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	01		

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
CÁC CẢNG TRÊN KHU VỰC CÁI MÉP – THỊ VẢI Thông tin về luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải: Chuẩn tắc luồng theo thiết kế: Tổng chiều dài tuyến luồng L = 50,5km, trong đó: + Đoạn từ phao số “0” đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép: Chiều dài đoạn luồng: L = 30,56km; Cao độ đáy luồng: H = -14,0m (hệ Hải đồ); Chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất: B = 310m. + Đoạn từ hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải: Chiều dài đoạn luồng: L = 7,54km; Cao độ đáy luồng: H = -12,0m (hệ Hải đồ); Chiều rộng luồng: B = 310m (Chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 260m). + Đoạn từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV): Chiều dài đoạn luồng: L = 2,8km; Cao độ đáy luồng: H = -12,0m (hệ Hải đồ); Chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất: B = 220m. + Đoạn từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái: Chiều dài đoạn luồng: L = 9,6km; Cao độ đáy luồng: H = -7,2m (hệ Hải đồ); Chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất: B = 90m.  Độ sâu thực tế của luồng đề nghị tham khảo Thông báo hàng hải mới nhất do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam công bố.								
23	Cảng Trạm nghiền xi măng Cẩm Phả	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Chi nhánh phía Nam	KCN Mỹ Xuân A, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3899630; Fax: 0254 3899629	Quyết định số 226/QĐ-CHHVN ngày 19/3/2009 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xi măng	01	224	Cầu tiếp nhận tàu ≤ 500Dwt
						01	55	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
24	Cảng dầu Phú Mỹ của Nhà máy điện Phú Mỹ 1	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ- Tổng công ty phát điện 3	Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tel:0254 3876927; Fax: 0254 3876930;	Quyết định số 340/2002/QĐ-CHHVN ngày 17/7/2002 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	190	
25	Cầu cảng dầu Nhà máy điện Phú Mỹ 2-1			Quyết định số 178/QĐ-ĐKTBTV ngày 11/9/1997 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	175	
26	Bến cảng SCC-VN Thị Vải	Công ty TNHH Siamcity Cement Việt Nam – Trạm nghiền Clinker Thị Vải	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3921071; Fax: 0254 3921070	Quyết định số 732/QĐ-CHHVN ngày 25/8/2005; Quyết định số 1134/QĐ-CHHVN ngày 26/10/2015; Quyết định số 655/QĐ-CHHVN ngày 23/5/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xi măng	01	246	
						01	70	Tiếp nhận tàu ≤1.600Dwt

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
27	Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV)	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel:0254 3924888 Fax: 0254 3924850	Quyết định số 413/QĐ-CHHVN ngày 30/5/2012; Quyết định số 1133/QĐ- CHHVN ngày 17/7/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container, tổng hợp	01	727,92	
28	Bến cảng Quốc tế Thị Vải	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải	KCN Phú Mỹ 1- Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel:0254 3895807; Fax: 0254 3895808	Quyết định số 2000/QĐ- CHHVN ngày 30/5/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	300	
						01	140	Tiếp nhận tàu ≤2.000Dwt
29	Bến Cảng Ba Rịa Serece	Công ty cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông lâm sản và Phân bón Baria	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel:0254 3876603/04/05; Fax: 0254 3876600	Quyết định số 429/QĐ-CHHVN ngày 18/04/2018 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	555,4	
						01	332,8	Tiếp nhận tàu ≤5.000Dwt
						03	145,4	Tiếp nhận tàu ≤500Dwt

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
30	Bến cảng Đạm và Dịch vụ dầu khí tổng hợp (PTSC PM)	Công Ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 84254 3921658; Fax: 84254 3921660	Quyết định số 211/QĐ-CHHVN ngày 01/03/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	384,3	
						01	130	Tiếp nhận tàu $\leq 2.500\text{Dwt}$
						01	130	Tiếp nhận tàu $\leq 1.500\text{Dwt}$
31	Cầu cảng Nhà máy Thép Phú Mỹ	Chi nhánh Công ty TNHH MTV cảng Sài Gòn tại Bà Rịa- Vũng Tàu	KCN Phú Mỹ 1- Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3922683; Fax: 0254 3922685	Quyết định số 12/QĐ-CHHVN ngày 08/01/2007 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng thép	01	230	
						01	46	Tiếp nhận tàu $\leq 500\text{Dwt}$
32	Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA Thị Vải)	Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3898773; Fax: 0254 3898774	Quyết định số 916/QĐ-CHHVN ngày 08/9/2015 của Cục Hàng hải Việt Nam	Tổng hợp	01	600	
33	Bến cảng Quốc tế SP-PSA	Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP- PSA	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3924567; Fax: 0254 3924555	Quyết định số 880/QĐ-CHHVN ngày 03/9/2009 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container, hàng rời	02	600	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
34	Bến cảng POSCO	Công ty TNHH POSCO Việt Nam	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3924132; Fax:0254 3923074	Quyết định số 424/QĐ-CHHVN ngày 19/6/2014 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng thép	01	333,1	
35	Bến cảng Posco SS-Vina	Công ty TNHH Posco SS-Vina	KCN Phú Mỹ 1 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 02543 892009; Fax: 02543 892300.	Quyết định số 1105/QĐ- CHHVN ngày 11/11/2014 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng thép	01	266,8	
36	Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba son	Tổng công ty Ba son	KCN Phú Mỹ 2 - Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 02546 638800, Fax: 02546 263801	Quyết định số 1002/QĐ- CHHVN ngày 28/9/2015 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng đóng và sửa chữa tàu	01	190	
						01	150	Ụ nổi 8.850T
						01	110	Tiếp nhận tàu ≤3.000Dwt
37	Bến cảng Interflour Cái Mép	Công ty TNHH Interflour Việt Nam	KCN Cái Mép, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3936936; Fax: 0254 3936946	Quyết định số 735/QĐ-CHHVN ngày 11/8/2015 và Quyết định số 539/QĐ-CHHVN ngày 29/6/2010 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng nông sản	01	310	
						01	150	Tiếp nhận tàu ≤7.000Dwt

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
38	Cầu cảng số 1 thuộc Bến cảng Container Cái Mép Thượng (TCCT)	Công ty Cổ phần Tân cảng - Cái Mép	KCN Cái Mép, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3938006; Fax:0254 3938005	Quyết định số 388/QĐ-CHHVN ngày 07/5/2009 và Quyết định số 1405/QĐ-CHHVN ngày 07/9/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container, tổng hợp	01	300	
						01	52,5	Tiếp nhận tàu $\leq 2.200\text{Dwt}$
						01	69,5	Tiếp nhận tàu $\leq 2.000\text{Dwt}$
						01	92	Tiếp nhận tàu $\leq 2.000\text{Dwt}$
39	Cầu cảng số 2 và số 3 thuộc Bến cảng Container Cái Mép Thượng (TCIT)	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân cảng Cái Mép	KCN Cái Mép, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3938555; Fax: 0254 3938515	Quyết định số 970/QĐ-CHHVN ngày 26/11/2010 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container	02	590	
40	Bến cảng PV GAS Vũng Tàu	Công ty chế biến khí Vũng Tàu (PV Gas Vungtau)	Địa chỉ: Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Tp Vũng Tàu; Tel: 0254 3833622; Fax: 0254 3838257	Quyết định số 770/QĐ – CHHVN ngày 24/9/2012 và Quyết định số 48/2001/QĐ - CHHVN ngày 09/02/2001 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng LNG Condensate	01	242	
						01	84	Tiếp nhận tàu $\leq 2.000\text{Dwt}$

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
41	Cầu cảng xăng dầu PETEC Cái Mép	Tổng công ty thương mại kỹ thuật và đầu tư - PETEC, XN xăng dầu Petec Cái Mép	KCN Cái Mép, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu Fax: 02543 938944	Quyết định số 370/QĐ-CHHVN ngày 14/5/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	320	
42	Bến cảng Xăng dầu Petro Vũng Tàu	Công ty TNHH Dầu khí Hải Linh Vũng Tàu	KCN Cái Mép, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 02543.894.119, Fax: 02543.938.268,	Quyết định số 14/QĐ-CHHVN ngày 06/01/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng xăng dầu	01	281,5	
43	Bến cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa- Vũng Tàu Tel: 0254 3938222; Fax:0254 3936279	Quyết định số 1000/QĐ- CHHVN ngày 21/11/2012 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container	01	600	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
44	Bến cảng Container Quốc tế Cái Mép (TCTT)	Công ty TNHH MTV Cảng Tân cảng Cái Mép Thị Vải	Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu Tel 0254 3938778; Fax: 0254 3938777	Quyết định số 657/QĐ-CHHVN ngày 21/7/2015 và Quyết định số 1399/QĐ-CHHVN ngày 10/12/2015 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container, tổng hợp, tàu khách	01	600	
45	Bến cảng container Quốc tế Cảng Sài Gòn-SSA (SSIT)	Công ty Liên doanh dịch vụ container Cảng Quốc tế Cảng Sài Gòn-SSA	Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu Tel: 0254 3938888; Fax:0254 3938898; Email: info@ssit.com.vn	Quyết định số 39/QĐ-CHHVN ngày 12/01/2017 của Cục Hàng hải Việt Nam	Container, tổng hợp	01	600	Tiếp nhận tàu ≤500Dwt
						01	281,5	
CÁC CẢNG KHU VỰC CÔN ĐẢO								
Chuẩn tắc luồng theo thiết kế: Chiều dài tuyến luồng L = 2,9 km; Cao độ đáy: H = -7,6m (hệ Hải đồ). Vũng quay tàu trước cảng Bến đầm có đường kính 200m, độ sâu -7,4m (hệ Hải đồ). Độ sâu thực tế của luồng đề nghị tham khảo Thông báo hàng hải mới nhất do Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam công bố.								
46	Cảng cá Bến Đầm	Ban Quản lý cảng Bến Đầm	Số 1007/36, Đường 30/4, Phường 11, TP.Vũng Tàu; <u>Tel:02543 621713</u> Fax:02543 621047	Quyết định số 1947/2003/QĐ-BGTVT ngày 04/07/2003 của Bộ Giao thông vận tải	Tổng hợp, hành khách	01	82	

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
CÁC CẢNG DẦU KHÍ NGOÀI KHƠI								
47	Cảng DKNK Mỏ Bạch Hồ - Rồng	Xí nghiệp khai thác dầu khí, Liên doanh Việt Nga- Vietsovpetro	Số 17 Lê Quang Định, Phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu Tel:0254 381871; Fax: 0254 36257133	Quyết định số 706/QĐ-PC ngày 14/4/1987 của Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 300/2000/QĐ- CHHVN ngày 29/09/2000 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FSO Chí Linh - L.O.A: 295m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
						- Tên kho chứa: FSO Vietsovpetro 01 - L.O.A: 262m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
						- Tên kho chứa: FSO Vietsovpetro 02 - L.O.A: 261m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
48	Cảng DKNK Mỏ Rạng Đông	Công ty Dầu khí Nhật Việt (JVPC)	Lầu 7 Tòa nhà Petro Tower-số 8 Hoàng Diệu, Phường 1, Tp Vũng Tàu; Tel: 0254 3856937; Fax: 0254 3856943	Quyết định số 250/1998/QĐ- CHHVN ngày 15/10/1998 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FSO Rang Dong MV17 - L.O.A: 189m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
49	Cảng DKNK Mỏ Đại Hùng	Công ty điều hành thăm dò dầu khí trong nước (PVEP POC)	Tầng 15 , Trung tâm thương mại TCDK Phú Mỹ Hưng, 12 Tân Trào, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh Tel: 028 62906068; Fax: 08;62906198;	Quyết định số 686/QĐ-PCHH ngày 03/10/1994 của Cục Hàng hải Việt Nam	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FSO Dai Hung Queen - L.O.A: 260m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
50	Cảng DKNK Mỏ Rồng Đôi – Rồng Đôi Tây	Công ty Dầu khí quốc gia Hàn Quốc (KNOC)	Lầu 10-Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; Tel: 08 38257808; Fax: 08 38257806	Quyết định số 515/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2007 của Bộ Giao thông vận tải	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FSO Rong Doi MV12 - L.O.A: 180m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
51	Cảng DKNK Mỏ Tê Giác Trắng	Công ty điều hành Hoàng Long	Lầu 20 Tòa nhà Melin Point, Số 2- Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; Tel: 08 38239525; Fax: 08 38239526	Quyết định số 2577/QĐ- BGTVT ngày 09/11/2011 của Bộ Giao thông vận tải	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FPSO ARMADA - L.O.A: 336m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		

TT	Tên bến cảng, cầu cảng	Đơn vị quản lý, doanh nghiệp cảng		Văn bản công bố đưa bến cảng, cầu cảng vào hoạt động	Công năng cảng	Số lượng cầu cảng	Chiều dài cầu cảng (m)	Ghi chú
		Tên đơn vị, doanh nghiệp cảng	Địa chỉ liên hệ					
52	Cảng DKNK Mỏ Chim Sáo	Công ty TNHH PREMIER OIL VIETNAM	Lầu 18-Kumho Asiana Plaza-Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; Tel: 08 039105788; Fax: 08 39105799	Quyết định số 2947/QĐ- BGTVT ngày 23/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FPSO LEWEK EMAS - L.O.A: 290m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		
53	Cảng DKNK Biển Đông	Công ty Liên doanh điều hành Biển Đông	Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Petro Việt Nam - 01 - 05 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh; Tel: 08 38245566; Fax: 08 35200999	Quyết định số 1181/QĐ- BGTVT ngày 07/04/2014 của Bộ Giao thông vận tải	Chuyên dụng	- Tên kho chứa: FSO PTSC Bien Dong 01 - L.O.A: 172m - Khả năng tiếp nhận tàu dầu ≤150.000Dwt		

Phụ lục 4

THỦ TỤC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI KHÁC TRONG PHẠM VI VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

1. Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải :

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

2. Thủ tục tiến hành các hoạt động lặn hoặc các công việc ngầm dưới nước

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 62, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

3. Thủ tục tàu thuyền thi công công trình hàng hải, nạo vét luồng, khai thác cát hoặc cần cẩu nổi và các thiết bị công trình khác:

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 3, Điều 62, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

4. Thủ tục hoạt động cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng hải sản trong vùng nước cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 3, Điều 110, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

5. Thủ tục sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 9, Điều 113, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

6. Thủ tục tháo bỏ niêm phong kẹp chì tại các van, thiết bị của tàu thuyền mà chất độc hại có thể thoát ra ngoài hoặc bơm thải các chất thải, nước bẩn qua các van hoặc thiết bị của tàu thuyền

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 118, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

7. Thủ tục đăng ký, tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

8. Thủ tục chạy thử tàu và neo chờ

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 66, Điều 98, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

9. Thủ tục trình kháng nghị hàng hải

Trình tự, thời hạn thủ tục theo quy định tại Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải.

10. Thủ tục thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14/4/2011 của Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

11. Thủ tục phê duyệt phương án thăm dò, phương án trục vớt tài sản chìm đắm gây nguy hiểm xác định được chủ tài sản chìm đắm trong vùng nước cảng biển

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

12. Thủ tục đăng ký và cấp sổ thuyền viên

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Chương III Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam.

13. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải; Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21/02/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải.

14. Thủ tục phê duyệt Phương án vận tải hàng hóa siêu trường, hàng hóa siêu trọng của phương tiện thủy nội địa

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa.

15. Thủ tục cấp giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Chương II, Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.

16. Thủ tục Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển:

Trình tự, thời hạn và thủ tục theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 159/2018/TT-BGTVT ngày 28/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Phụ lục 5

BẢNG THÔNG SỐ CÁC VỊ TRÍ NEO ĐẬU TẠI VÙNG NEO VỮNG TÀU

VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 3.000 DWT							
Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
A1	10°19'07,2''N 107°04'19,7''E	6,6	275	B6	10°21'07,2''N 107°03'28,7''E	9,1	275
A2	10°19'29,2''N 107°04'19,7''E	14,2	275	B7	10°21'24,2''N 107°03'16,7''E	11,6	275
A12	10°23'31,2''N 107°03'03,7''E	9,9	275	B8	10°21'41,2''N 107°03'13,7''E	13,7	275
B1	10°19'05,8''N 107°04'01,0''E	10,6	275	B9	10°22'01,2''N 107°03'03,7''E	12,8	275
B2	10°19'29'',2N 107°04'00,7''E	8,4	275	C2	10°19'31,2''N 107°03'41,7''E	10,9	275
B3	10°19'53,2''N 107°04'00,7''E	10,3	275	D3	10°19'55,2''N 107°03'30,7''E	11,5	365
B4	10°20'15,2''N 107°03'56,7''E	11,0	275	D4	10°20'15,2''N 107°03'30,7''E	12,5	275
B5	10°20'39,2''N 107°03'45,7''E	7,2	275	D5	10°20'37,2''N 107°03'19,7''E	13,0	275

**VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN
CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 10.000 DWT**

Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
G1	10°19'07,2"N 107°01'51,7"E	5,5	365	G9	10°21'43,2"N 107°02'02,7"E	8,0	275
G2	10°19'27,2"N 107°01'51,7"E	6,2	365	G10	10°22'01,2"N 107°02'02,7"E	10,0	275
G3	10°19'57,2"N 107°01'51,7"E	8,0	365	G11	10°22'19,2"N 107°02'02,7"E	12,0	275
G4	10°20'15,6"N 107°01'51,7"E	7,5	275	G12	10°22'37,2"N 107°02'02,7"E	15,0	275
G5	10°20'31,2"N 107°02'00,7"E	8,0	275	G13	10°22'54,5"N 107°01'55,7"E	12,5	275
G6	10°20'49,1"N 107°02'00,7"E	6,5	275	G14	10°23'11,1"N 107°01'45,7"E	6,6	275
G7	10°21'07,2"N 107°00'02,7"E	8,4	275	G15	10°23'27,2"N 107°01'35,7"E	6,9	275
G8	10°21'25,2"N 107°02'02,7"E	8,0	275	G16	10°23'43,2"N 107°01'27,7"E	7,2	275

**VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN
CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 50.000 DWT**

Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
F6	10°20'49,2"N 107°02'19,7"E	15,0	275	F10	10°22'01,2"N 107°02'22,7"E	17,5	275
F7	10°21'07,2"N 107°02'20,7"E	17,0	275	B11	10°23'03,2"N 107°02'52,7"E	16,0	275
F8	10°21'25,2"N 107°02'20,7"E	20,0	275	B12	10°23'21,2"N 107°02'40,1"E	20,0	365
F9	10°21'43,2"N 107°02'19,7"E	18,4	275	H14	10°16'48,0"N 107°01'45,0"E	11,6	450
H04	10°16'28,0"N 107°03'12,0"E	14,6	450	H06	10°16'42,0"N 107°02'14,0"E	12,5	450
H05	10°16'35,0"N 107°02'43,0"E	13,6	450				

**VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN
CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 80.000 DWT**

Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
H10	10 ⁰ 14'05,0''N 107 ⁰ 02'07,0''E	13,4	500	H21	10 ⁰ 14'19,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	10,1	500
H15	10 ⁰ 16'54,0''N 107 ⁰ 01'02,0''E	11,3	500	H22	10 ⁰ 14'52,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	11,9	500
H16	10 ⁰ 16'21,0''N 107 ⁰ 01'03,0''E	16,6	500	H23	10 ⁰ 15'24,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	14,1	500
H17	10 ⁰ 15'48,0''N 107 ⁰ 01'03,0''E	16,8	500	H24	10 ⁰ 15'57,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	15,3	500
H18	10 ⁰ 15'16,0''N 107 ⁰ 01'03,0''E	15,2	500	H25	10 ⁰ 16'31,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	16,6	500
H19	10 ⁰ 14'43,0''N 107 ⁰ 01'03,0''E	13,0	500	H26	10 ⁰ 17'03,0''N 107 ⁰ 00'31,0''E	11,7	500
H20	10 ⁰ 14'10,0''N 107 ⁰ 01'03,0''E	11,8	500				

VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 100.000 DWT							
Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
H01	10 ⁰ 14'15,0''N 107 ⁰ 03'08,0''E	15,6	550	H11	10 ⁰ 14'38,0''N 107 ⁰ 01'58,0''E	14,5	550
H09	10 ⁰ 14'27,0''N 107 ⁰ 02'33,0''E	15,1	550	H12	10 ⁰ 15'27,0''N 107 ⁰ 01'50,0''E	18,0	550
				H13	10 ⁰ 16'05,0''N 107 ⁰ 01'50,0''E	17,9	550

VỊ TRÍ NEO ĐẬU CHO TÀU THUYỀN CÓ TRỌNG TẢI ĐẾN 160.000 DWT							
Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)	Tên Vị trí	Tọa độ	Độ sâu (m)	Bán kính (m)
H02	10 ⁰ 15'08,0''N 107 ⁰ 03'06,0''E	20,2	600	H07	10 ⁰ 15'55,0''N 107 ⁰ 02'27,0''E	17,7	600
H03	10 ⁰ 15'47,0''E 107 ⁰ 03'06,0''N	18,0	600	H08	10 ⁰ 15'16,0''N 107 ⁰ 02'27,0''E	18,8	600

Phụ lục 6

**Tên doanh nghiệp
kinh doanh dịch vụ lai dắt**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH TÀU LAI HỖ TRỢ

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

Công ty xin thông báo Kế hoạch tàu lai hỗ trợ ngày .../.../20..... trong phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cụ thể như sau:

TT	Tàu được lai dắt, hỗ trợ			Thời điểm hỗ trợ	Cấp cảng	Rời cảng	Tàu lai hỗ trợ						Ghi chú
	Tên tàu	Chiều dài lớn nhất/ Trọng tải	Thiết bị hỗ trợ điều động				Tàu lai 1		Tàu lai 2		Tàu lai 3		
							Tên tàu	Công suất	Tên tàu	Công suất	Tên tàu	Công suất	
1													
2													
3													

....., ngày ...tháng...năm....
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

REGULATION FOR SEAPORTS IN BA RIA – VUNG TAU PROVINCE

*(This is the translation of the original Maritime Administration
of Vung Tau Seaport Regulation. In case of discrepancy
of interpretation, the Vietnamese version shall prevail)*

Chapter I GENERAL PROVISIONS

Article 1. Scope of regulation

1. This regulation stipulates the details of maritime activities at seaports in Ba Ria – Vung Tau Province in accordance with the Decree No.: 58/2017/NĐ-CP dated May 10, 2017 by the Government stipulating several articles of the Vietnam Maritime Code on Management of maritime activity (herein after referred to as “Decree No.: 58/2017/NĐ-CP”) and other relevant provisions.

2. The water area of seaports in Ba Ria – Vung Tau Province (herein after referred to as “Seaport Water”) are prescribed in Circular No.: 57/2015/TT-BGTVT dated October 19, 2015 by Minister of Transport to announce the water area of seaports in Ba Ria – Vung Tau Province and management area of Maritime Administration of Vung Tau.

(Detailed information, diagrams as stated in Annex I)

Article 2. Subject of application

1. This Regulation shall apply to organizations, individuals, Vietnamese and foreign ships operating at seaports in Ba Ria – Vung Tau Province (herein after referred to as “Seaports”).

2. Military ports, fishing ports, inland waterway ports, wharves located within Seaport water area shall strictly comply with relevant provisions of Vietnam Maritime Code, Decree No.: 58/2017/NĐ-CP and these Rules.

Article 3. The State management in maritime at seaport and other information

1. The State Management in Maritime Agency at seaport is the Maritime Administration of Vung Tau (herein after referred to as Maritime Administration) which has its headquarter, representative offices, stations as follows:

a) Headquarter:

- Address: 02 Quang Trung street, Ward 1, Vung Tau City, Ba Ria – Vung Tau Province.

- Telephone: 0254.3856270; 0254.3512811; 0915241066.

- Fax: 0254.3856137; 0254.3856085; 0254.3512810.

- Email: cangvu.vtu@vinamarine.gov.vn

- Website: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

b) The Maritime Administration Representative Office at Phu My:

- Address: Phuoc Hoa Commune, Tan Thanh District, Ba Ria – Vung Tau Province.

- Telephone: 0254.3893093; 0254.3893126; 0918014066

- Fax: 0254.3893093.

c) The Maritime Administration Representative Office at Con Dao:

- Address: Ben Dam Street, Con Dao District, Ba Ria – Vung Tau Province.

- Telephone: 0254.3830056; 0917756166.

- Fax: 0254.3830056.

d) Maritime Administration Station at Thi Vai:

- Address: Street No. 3, Phu My 1 Industrial Zone, Tan Thanh District, Ba Ria – Vung Tau Province.

- Telephone: 0254.3922279; 0917942166

- Fax: 0254.3922279.

2. Other competent authorities at Seaport:

(Details are shown in Annex 2)

3. Nautical charts, seaports' documents and information

(Details are shown in Annex 3)

Chapter II

SPECIFIC PROVISIONS

Section 1

SHIP ARRIVAL, DEPARTURE PROCEDURES

Article 4. General requirements for ship arriving in seaport

1. Ships arriving in seaport shall comply with provisions of Article 94 of Vietnam Maritime Code and Section 1, Chapter IV of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP.

2. Apart from provisions of Paragraph 1 of this Article, ships arriving in seaport water shall have their L.O.A, deadweight, draft, air draft and other technical specifications suitable to actual condition of navigation channel, berth, port, water area at berth, water zone, seaport area and other contructions as annouced by Competent Authorities.

Article 5. Vessel arrival, departure notification and confirmation

Vessel arrival, departure notification and confirmation shall be in accordance with provisions of Article 87, Article 88 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP or relevant provisions of electronic formarlities for ships.

Article 6. Movement of ship in seaport area

1. Ship when maneuvering for anchoring, shifting, berthing, coming alongside or conducting other similar activities in seaport area and navigation channel shall comply with provisions of Article 62 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP.

2. Apart from provision of Paragraph 1 of this Article, ships when operating in seaport area shall comply with Paragraph 3, Article 63 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP and operational management regulations of VTS system.

3. Inland waterway vehicle, fishing vessel shall only anchor in the position which is directed by the Maritime Administration.

Article 7. Arrival, Departure Formalities and Procedure for other maritime activities in Seaport area.

1. Formalities for vessels arriving in, departing from seaport and for foreign vessels transitting Viet Nam water to Cambodia via Tien River shall be in accordance with provisions of Section 2, Section 3, Section 4 and Section 5 of Chapter IV of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP.

Exemption of arrival, departure formalities for special case shall be in accordance with provisions of Article 74 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP.

2. Procedure for other maritime activities in Seaport area shall be in accordance with guidances in Annex 4.

3. Location for ship formality:

Unless ship formalities are conducted on board in accordance with in accordance with provisions Paragraph 3, Article 77 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP, locations for port formality shall be as follows:

a) Representative Office of Maritime Administration at Phu My: for vessels arriving in, departing from ports in Cai Mep – Thi Vai area;

b) Representative Office of Maritime Administration at Con Dao: for vessels arriving in, departing from ports, anchorages in Con Dao area;

c) Maritime Administration Station at Thi Vai area: for inland waterway vehicles arriving in, departing from ports in Thi Vai area;

d) Headquarter: for vessels arriving in, departing from ports, Buoy mooring terminals, anchorage, transshipment zone at other areas or for foreign ships transitting Vietnam water to Cambodia via Tien River;

e) Under practical condition, ships formalities shall be conducted at the most convenient location for ship.

4. Relevant Organizations, individuals are responsible for applying Information Technology (IT) in conducting electronic formalities for ship as prescribed.

Section 2

COMMUNICATION AT SEAPORT

Article 8. Communication

1. Organizations, individuals, Vietnamese and foreign ships shall communicate with Maritime Administration by telephone, facsimile, email as provided in Paragraph 1, Article 3 of this Rules. If necessary, all communication can be directed to VTS Control Center or Coast Radio Stations in the area.

2. Use of VHF radio shall be as follows:

a) Maintain listening watch on channel 16; working channel 08 or other instructed channels;

b) Name of ship, call sign, organization or individual shall be repeated not more than three times for each call. On VHF CH 16, call shall be made in short, quick manner and it shall be switched to another working channel for routine message after communication is established.

c) Ships, organization, individual shall not interfere in the communication of Maritime Administration on channels 16 and 08 and of VTS Control Center on channels 06, 09, 12 and 14. Ships, organization, individuals are prohibited to make routine call on VHF channel 16 when a distress or urgency message is being broadcasted.

d) Communication on VHF shall be made in Vietnamese or English.

Article 9. Reporting of vessel's movement for Vietnamese and foreign ship

1. Prior to and upon completion of any movement, Vietnamese and foreign ship shall report to VTS Control Center.

2. The ship's Master may authorize the pilot to report as required by Paragraph 1 of this Article.

Section 3

OPERATION OF SHIP AT SEAPORT

Article 10. Order of the Director of the Maritime Administration

1. Order of the Director of the Maritime Administration shall be made in following forms:

- a) Shipping schedule;
- b) Shifting Order;
- c) Sea Trial Permit;
- d) Port Clearance;
- e) Transit Permit;
- f) Inward/Outward Permit (for Inland waterway vehicle)
- g) Direct order via VHF, telephone or other suitable means in case of emergency.

2. Upon receiving the Order, if it deems to be unable to execute immediately, the concerned ship's Master, Organization or individual are responsible to report to Maritime Administration for further instruction.

3. Daily Shipping Schedule will be sent to VTS Control Center by the Maritime Administration and be informed to concerned organization, individual, ship. Shipping schedule is also updated at website:

<http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>

Article 11. Navigation in seaport area

When navigating in seaport area, all vessels shall comply with provisions of Circular No.: 19/2013/TT-BGTVT dated 06/8/2013 of Ministry of Transport implementing the International Regulations for Preventing Collision at Sea and following requirements:

1. Maintain communication with VTS Control Center and comply with VTS Officer's instructions or recommendations.

If actual conditions permit, a vessel shall keep as near to the outer limit of the channel which lies on her starboard side as is safe and practicable. Vessel is prohibited to cross the channel so as to impede the passage of another vessel within the channel.

3. Fishing boat and other small traffic which can safely navigate outside of the channel shall not impede the passage of a vessel which can safely navigate only within the limit of the channel.

4. Comply with regulations when navigating in one-way segment of the channel.

5. Except when maneuvering to avoid immediate danger, if the vessel's technical conditions permit and there is no restriction under other provisions, she shall proceed at speed limit (Speed Over Ground – SOG) as follows:

a) Dinh River Channel, Ben Dam – Con Dao Channel: speed shall not exceed 08 knots.

b) Vung Tau – Thi Vai Channel, Vung Tau – Sai Gon Channel (within seaport area) speed shall not exceed 10 knots. Container ship with deadweight of more than 80.000 DWT when navigating in Vung Tau – Thi Vai Channel from “Ze-ro” Buoy to Go Gia river junction shall be proceed at a speed not more than 12 knots.

6. Speed restriction under Paragraph 5 of this Article shall not apply to ships that involve in public service, fire fighting operation, SAR operation while carrying out duty and other speedboat with special design.

7. All ships shall proceed at a safe speed in the following areas:

a) Entering or leaving pilot boarding ground or anchor positions of Vung Tau Anchorage.

b) Dinh River channel from downstream of Vietsovpetro Port to upstream of Dong Xuyen oil terminal.

c) Thi Vai River Channel from downstream of PV Gas terminal to upstream of Posco port and from downstream of Baria Serece port to upstream of SITV port.

Article 12. Proceeding alongside vessel

1. Except public service vessel, pilot boat on duty and other emergency case, a vessel is prohibited to proceed alongside any other vessel unless approved by Maritime Administration.

2. Alongside any vessel in seaport area shall comply with provisions of Article 68 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP and following requirements:

a) A vessel is only permitted to alongside one by one with another for bunkering, transferring oil or other dangerous cargo.

b) Master of concerned vessels shall discuss, implement control measures to ensure safety during alongside.

c) Only when the schedule is confirmed then ship is allowed to proceed to alongside.

Article 13. Maritime activity at Offshore Terminals

1. All vessels are prohibited to enter the safety zone of any Offshore Terminal unless approved by the Maritime Administration.

2. The Managers, Operators of Offshore Terminals shall establish a 24-hour watch at Safety zone to ensure safety, security and environment pollution prevention.

3. In addition to maintain all necessary lights, signals, warning signs as prescribed, an Offshore Terminals shall frequently broadcast on channel 16 VHF in Vietnamese and English to inform other ships operating in the area.

Article 14. Passenger transport activity; fishing stake, fishing and aquaculture activities in seaport area

To comply with provisions of Article 110 of Decree No.:58/2017/NĐ-CP and following requirements:

1. Before departure, the Master of a passenger ship shall delegate his crews to provide the “On Board Safety Regulations” to the passengers; location and usage of life saving appliances; escape routes and escape methods in case of emergency.

2. Annually, the Owner of passenger ship shall establish a drill plan to train the crews on life-saving, firefighting, first aid, crowd control so that they are able to respond promptly and effectively in emergency situation.

3. Decorative lighting (If any) of a floating restaurant or a passenger ship shall be designed and used in such the way so that it shall not be mistaken for or affect the characteristic, luminous range or long-range detection of any navigation aid and/or any light signal, navigational signal of ship as prescribed.

4. Installing fishing stake, fishing and aquaculture are prohibited within the navigation channel and its protective corridors, pilot boarding ground, anchorage, transshipment area, port water and seaport area.

Article 15. Safety for ship while turning at turning basin

1. Ship other than tugboat engaged in assisting a turning vessel shall not cross or enter the turning basin if there is such an activity is being undertaken in the basin.

2. A vessel before commence turning and during turning shall enhance look out and shall at a safe distance use appropriate means to inform all approaching vessels of her status and intention.

3. If actual condition permits and there is no restriction under other rules, a ship shall maneuver to turn at a wharf's water area in order to berth or unberth provided that it's safe and not affect other ship navigating or anchoring.

Article 16. Safety for ship at anchor

1. Ships while at anchor in seaport area shall comply with provisions of Article 62, Article 65, Article 66 and Article 69 of Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

2. If it's necessary to alter the assigned anchor position, the Master shall inform the VTS Center immediately of the reason and only after the approval is granted, he/she may maneuver his/her ship to a new designated anchor position unless it's an inevitable case or to avoid an immediate risk of collision.

3. Diagram, information of “Vung Tau Anchorage”, “Pilot boarding grounds” is detailed in Annex 5 of this Regulation.

Section 4

MARITIME PILOTAGE

Article 17. Requirement for maritime pilotage activity

Maritime pilotage activity shall comply with provisions of Chapter XI of Vietnam Maritime Code 2015; Section 6, Chapter IV of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP and other relevant rules and regulations.

Article 18. Planning, notification, confirmation of Pilot schedule

1. Planning, notification, confirmation of pilot schedule and executing of Maritime Administration's “Daily Shipping Schedule” shall comply with provisions of Article 103, Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

2. On daily basis, the pilot organizations operating in seaport area shall exchange information and collaborate to plan an appropriate pilot schedule and to ensure safety of navigation.

3. The pilot organizations are responsible to notify their pilots promptly of The Maritime Administration's "Daily Shipping Schedule" and its update (if any).

Article 19. Requirement for pilot embarkation and disembarkation

Ships that approaching pilot boat for embarking or disembarking pilot shall reduce to the minimum steerable speed, maintain communication with pilot boat on designated VHF channel, Pilot ladder shall be rigged on the leeward side of the vessel or as requested by the pilot for safe embarking or disembarking. Pilot ladder shall meet the standards as prescribed, well illuminated at night, watchman and life-saving appliances shall be arranged as prescribed.

Article 20. Right, duty and responsibility of maritime pilot while conducting a ship

1. A maritime pilot while conducting a ship shall practice his right, duty and responsibility as stipulated at Article 251, Article 253 of Vietnam Maritime Code 2015 and Article 104, Article 105 of Decree No.: 58/2017/NĐ-CP.

2. Except when piloting ship at offshore terminals, the pilot shall promptly notify the VTS center the followings:

- a) Embarkation or Disembarkation time.
- b) When there are many ships approaching Pilot boarding ground at the same time to receive guidance, safety recommendation of VTS operator.
- c) To comply with other regulations of VTS Management system.

3. In case a vessel while under pilotage involves in an accident, incident or violation of law, the Pilot shall immediately notify the Maritime Administration and a written report must be submitted not later than 24 hours from the time of arriving shore.

Article 21. Duty of ship's Master when self-piloting his ship

A ship's Master who is permitted to self-pilot his ship in accordance with Paragraph 2 Article 104 of Decree No. 58/2017/NĐ-CP, shall notify the Maritime Administration not later than 02 hours before commence maneuver in seaport area, he also shall present the originals of his Maritime Pilot Certificate of Competency, Certificate for Operation of Maritime Pilotage Area if requested.

Article 22. Responsibility to cooperate between Pilot, ship's Master and port operator

Prior to berthing, unberthing, ship's Master or pilot shall contact assisting tug's skipper (for ship that using assisting tug) and port operator to assure the readiness of assisting tug, whaft, mooring buoy. In case where assisting tug, whaft, mooring buoy or shore mooring gang are not ready, the Master or pilot shall immediately inform VTS operation centre or Maritime Administration for instruction.

Section 5

USAGE OF ASSISTING TUG IN SEAPORT AREA

Article 23. Usage of assisting tug

Usage of assisting tug shall comply with provisions of Article 64 of Decree No. 58/2017/NĐ-CP and the followings:

1. In normal navigation condition, ship with LOA of 80 meters or more when maneuvering, berthing, unberthing whaft or mooring buoy; proceeding alongside; shifting, turning in port water area shall use assisting tug as followed:

a) For Offshore terminals:

Quantity and capacity of tug shall base on assisting tug's characteristics, wharf's design, safe operation requirement, risk management at offshore terminal and following provisions:

- Ships with LOA of less than 200 meters shall use at least one assisting tug with minimum main engine capacity of 4.000 HP.

- Ships with LOA of 200 meters or more but less than 250 meters shall use at least one assisting tug with minimum main engine capacity of 6.000 HP.

- Ships with LOA of 250 meters or more shall use at least one assisting tug with minimum main engine capacity of 7.000 HP.

b) For other wharfs or buoy terminals

Any vessel that required to use assisting tug(s) shall do so provided that total main engine capacity of assisting tug(s) must not less than 10% of her deadweight and shall comply with following provisions:

- Ships with LOA of 80 meters or more but less than 100 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 600 HP each.

- Ships with LOA of 100 meters or more but less than 125 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 800 HP each.

- Ships with LOA of 125 meters or more but less than 150 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 1.000 HP each.

- Ships with LOA of 150 meters or more but less than 175 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 1.200 HP each.

- Ships with LOA of 175 meters or more but less than 200 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 1.500 HP each.

- Ships with LOA of 200 meters or more but less than 2250 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 2.000 HP each.

- Ships with LOA of 225 meters or more but less than 250 meters shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 2.400 HP each.

- Ships with LOA of 250 meters or more shall use assisting tug(s) with minimum main engine capacity of 3.000 HP each.

c) Capacity, type and quantity of assisting tug used for container vessel of more than 80.000 DWT when maneuvering in seaport area shall be in accordance with Decision No. 581/QĐ-CHHVN dated 17/7/2012, Decision No. 02/QĐ-CHHVN dated 04/01/2017, Decision No. 49/2017/QĐ-CHHVN dated 16/01/2017 and other relevant documents of Vietnam Maritime Administration.

2. In abnormal maritime condition, the Director of Maritime Administration shall consider and decide in detail the type, capacity and quantity of assisting tug(s) taking into account the recommendation of ship's Master/ Owner, the concerned Pilot organization and the port operator.

Article 24. Exemption of assisting tug

For ship that equipped with maneuvering assistance device, the Director of the Maritime Administration shall consider to exempt that ship from using assisting tug or to reduce the capacity, quantity of assisting tug taking into account the characteristic of the assistance device, recommendations of ship's Master, pilot, concerned port operator and other prevailing condition.

Article 25. Responsibility of towage service enterprise

To comply with provisions of Chapter XII of Vietnam Maritime Code 2015, Chapter IV of Decree No.:160/2016/NĐ-CP dated Nov 29, 2016 stipulating conditions for maritime transportation business, shipping agency service business and

towage service, other relevant legal provisions and following requirements:

1. Quarterly (not later than the 05th day of the first month of the next quarter), towage operation status report within seaport area shall be submitted to the Maritime Administration.

2. Daily, not later than at 16 hour 30 minutes, the towage service enterprise shall submit the Assisting Tug Schedule of the next day to the Maritime Administration (content of the schedule shall be in accordance with Annex 6 of this Regulation). Any change to the schedule shall be promptly notified the Maritime Administration not later than 02 hours upon receiving the request to supply or cancel of service.

3. Supplying of assisting tug service for berthing, unberthing; proceeding alongside; shifting, turning at wharf water area shall strictly comply with provisions on capacity, type, quantity of assisting tug.

Article 26. Responsibility of Master, pilot of towed, assisted vessel and the assisting tug's skipper

1. Master, pilot of assisted vessel and tug's skipper are responsible to notify the Maritime Administration in time if there is any delay of service, or insufficiency of capacity, type and quantity of assisting tug as prescribed.

2. Before arriving the pre-agreed position to use assisting tug service, the tug's skipper and assisted vessel's Master shall discuss and agree on assisting arrangement, position to make fast towing lines or to push, if the assisted vessel has any special position used for pushing it shall be made known to tug's skipper.

3. In case the assisted vessel is under pilotage, the Master shall discuss and authorize the pilot to contact the tug's skipper.

4. Using of towing line shall be appropriate and the lines in use shall meet the technical requirements as prescribed.

5. Passenger line shall be ready for use in case the towing line is failed to send.

6. Any vessel with LOA of more than 100 meters shall have a mooring line stand by at stem to make fast to tug in case of emergency.

7. At offshore terminals, towing lines shall be a specific type to ensure safety. A towing line which is a combination or a connection between the tug's wire rope and the assisted vessel mooring rope is prohibited for use.

Section 6

MARITIME SAFETY, SECURITY AND ENVIRONMENT PROTECTION

Article 27. Ensuring maritime safety and security

1. Any organization, individual, ships while operating in seaport area shall be responsible to comply with provisions of Section 1, Chapter V of Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

2. Ships, port which is subjected to implement the International Ship and Port Facilities Security Code (ISPS Code) shall strictly adhere to provisions of the Code and other relevant legal provisions.

3. Port Security Level shall be notified in writing or updated at website: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>

Article 28. Plan for ensuring maritime safety

Not only to comply with provisions of Article 8, Decree No. 58/2017/NĐ-CP, concerned organization, individual shall also be responsible to submit a Plan for ensuring maritime safety for ship that operating in seaport area to the Maritime Administration for consideration and approval as follows:

1. Passage of a tow of which the total length of the tug and its tow including towing line is exceeds 200 meters.

2. When conducting a search and rescue exercise, firefighting or oil spill pollution prevention drill, maritime

security drill or establishing sport competition or cultural performance that may affect maritime activity.

3. Transportation of oversized and/or overweight cargo; or repairing, replacing of navigation aids that may poses risk to maritime safety.

4. Towing, salvation of ships involved in maritime accident or incident that may pose risk to maritime safety.

5. Launching of ship at shipyard or dock or launching of oversized and/or overweight component.

Article 29. Managing, operating of navigation channel, navigation aid and announcing of maritime notice

1. Managing, operating of of navigation channel, navigation aid and announcing of maritime notice shall be in accodance with provisions of Chapter II, Chapter III of Decree No. 58/2017/NĐ-CP and other legal provisions.

2. Organization in-charge of managing, operating of navigation aid, navigation channel is responsible:

a) To ensure that navigation aids under their responsibility for managing, operating meet the technical standards as prescribed and appropriate with content of published maritime notices.

b) To promptly notify the Maritime Administration, VTS centre when:

- Obstruction is detected in the channel; navigation aid is defective, missing or malfunction.

- Prior to and after repairing, rectifying the defective, missing or malfucntion of navigation aid.

- Other necessary information relating to maritime safety.

c) To promptly provide the Maritime Administration the “Bathymetric Chart” which made by the organization showing the result of survey, measurement of the depth of navigation channel, berth, anchorage area, pilot boarding ground, turning area, transhipment area and port water area.

d) Quarterly (not later than the date of 05th in the first

month of the next quarter), the report in writing of navigation aid's operational status shall be submitted to the Maritime Administration using Form 17 as prescribed in the Annex of Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

3. The list of navigation aids is updated at website: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

Article 30. Environment protection

Individual, organization or ships operating in seaport area shall responsible to strictly comply with provisions of Section 2, Chapter V of Decree No. 58/2017/NĐ-CP and the followings:

1. Transshipment of oil or other dangerous good shall only be carried out at position which assigned by the Maritime Administration, and in appropriate safety and weather condition. When conducting such operation, safety procedures for pumping, tranfering of cargo shall be complied with and oil spill response equipments, fire fighting appliances shall be available and standby at cargo station.

2. Port operator or other enterprise which has legal function when collecting wastes which are drilling fluid, stratal water, drilling mud... from survey, oil and gas exploration, exploitation activities or solid waste, hazardous waste from ship shall establish and maintain a logbook to record the reception, storage, transport and treatment of wastes as prescribed and shall report, provide relevant information, data to the Maritime Administration if requested.

3. Wastes that collected from ship-building, ship-repairing, ship demolition activities (e.g: Nix particle, wasted sand...) shall be gathered at appropriate dumping area or storage which is guarded to prevent it from osmosis, diffusing into air, soil, water. Wastes that produced from ship repairing, demolition of ship shall be totally collected and segregated

according to their characteristic so that relevant measures shall be applied to recycle, reuse or discard of such wastes.

4. Hazardous waste shall not be mixed with general waste. If they are mixed, they shall be collected, transported, stored and treated as hazardous waste.

5. Oil transferring line between storage vessel, terminal and oil tanker at offshore terminal, buoy terminal shall be equipped with self-closing valve or other relevant measure to prevent oil spill while connecting or disconnecting.

Article 31. Disposal of garbage, liquid waste, ballast water and reception, treatment of oily water.

1. Ships, port operator or organization that involved in ship sanitation service when operating in seaport area shall comply with provisions of Article 117, Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

2. General wastes that generated from ship shall be segregated and properly stored and transferred to reception facility upon arrival port. Unless ship is equipped with garbage incinerator, otherwise garbage shall be collected daily for passenger ships, once every two days for foreign ship and once every four days for Vietnamese ship.

3. Dirty water or dirty residue, oil or oily mixtures and other hazardous substances shall be stored in separated tanks and delivered to shore reception facilities or specialized boat as prescribed.

4. Ship that wish to dispose oily mixture or other hazardous waste shall indicate her intention in “General Declaration” form at arrival and only conduct such operation upon approval by the Maritime Administration.

Article 32. Health Quarantine, Phytosanitary, Veterinary Inspection

1. Ship’s Master is responsible to promptly inform the Health Quarantine Agency of health status of crews, passengers and other factors relating to community health.

2. A vessel is only allowed to conduct fumigation, disinfection, quarantine disease surveillance or other quarantine activities at the position assigned by the Maritime Administration based on recommendation of other relevant agency, organization. Before and during conducting such operation, light, flag and warning sign shall be exhibited as prescribed; relevant measure shall be implemented to ensure safety of life and to prevent pollution to surrounding environment.

Article 33. Search and Rescue

1. Organization, individual operating at seaport area is responsible to fulfil their duty in search and rescue operation as prescribed in Article 107, Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

2. All acts of using communication devices on board ship or other equipments, devices to transmit a false distress alert shall be strictly prohibited. In inavoidable case or due to negligence in use of devices such as EPIRB, MF/HF, VHF and DSC... the ship's Master shall immediately notify the Maritime Administration and shall apply all measures to cancel the broadcasted false distress alert.

Article 34. Maritime Accident

Organization, individual operating at seaport area is responsible to comply with provisions of Article 107, Decree No. 58/2017/NĐ-CP and other relevant provisions.

2. When a maritime accident or incident occurs, the ship's Master shall be responsible to:

a) Promptly take all necessary measures to ensure safety of life, ship and to establish search and rescue quickly, effectively and appropriate to prevailing condidtion.

c) Immediately inform the Maritime Administration or VTS Centre as well as implementing all necessary measure to minimize the consequence that may arise after the maritime accident or incident.

c) Submit the accident report to the Maritime Administration in accordance with the provision of maritime accident report and investigation.

Section 7

FIRE, EXPLOSION FIGHTING AND PREVENTION, ENVIRONMENTAL INCIDENT RESPONSE

Article 35. Fire, explosion fighting and prevention

Ship's Master, concerned enterprise are responsible to comply with provisions of Article 113, Article 114, Article 115, Decree No. 58/2017/NĐ-CP; Fire fighting and prevention Code and following provisions:

1. Before carrying out transfer petrol, oil or other hazardous good at transshipment area, a fire, explosion fighting and prevention plan shall be submitted to Police department of Fire fighting and prevention of Ba Ria Vung Tau Province for approval. Such operation is only allowed to commence after all requirements of maritime safety, environment pollution prevention and fire, explosion fighting and prevention are fulfilled.

2. When a fire or explosion incident occurs in land area or water area of a port, the ship's Master and concerned port operator is responsible to promptly response and immediately inform the Maritime Administration, Police department of fire fighting and prevention to handle.

3. Annually, at the end of the first quarter, the port operator shall review, supplement, amend the fire and explosion prevention and fire fighting plan for areas under their management, exploitation appropriate to actual

conditions and a copy of such plans shall be submitted to the Maritime Administration for monitoring.

Article 36. Environmental incident response

Ship's Master, Port operator and other concerned enterprise that involved in maritime activity in seaport area shall strictly comply with provisions of Article 118, Article 119, Decree No. 58/2017/NĐ-CP and other legal provisions on oil spill response activity.

Section 8

RESPONSIBILITY OF MARITIME ENTERPRISE

Article 37. Responsibility of port, buoy terminal enterprise

To comply with provisions of Decree No. 37/2017/NĐ-CP dated Apr 04, 2017 on requirements for seaport operations, Article 67, Article 112, Article 113, Article 114, Article 117, Decree No. 58/2017/NĐ-CP, other relevant legal provisions and following requirements:

1. Before commencing construction of seaport, wharf, jetty, buoy terminal, the Investor shall send a copy of Decision on construction investment, overall layout drawing, Approval of design and Plan to ensure maritime safety to the Maritime Administration for inspection, supervising as prescribed.

2. After completing the procedures and having the competence authority to announce the opening of seaport, port, wharf or buoy terminal, the investor shall send to the Maritime Administration all relevant documents as prescribed in Paragraph 1 of Article 13 or Paragraph 3 of Article 14 of Decree No. 58/2017/NĐ-CP for organization of management.

3. Annually, at the end of the first quarter, the Investor shall report to the Maritime Administration the safe conditions for exploitation of port, buoy terminal (e.g meteorological and hydrological limitations and other restrictions).

4. To notify in writing the Maritime Administration

before conducting repair, renovation, upgrade of wharf, port, buoy terminal or other operations that may affect maritime safety at seaport area; such operations can only be carried out after approved by the Maritime Administration.

5. To arrange skilled workers with proper P.P.E for mooring, unmooring and cargo handling. The leader of shore mooring gang shall be equipped with handheld VHF radio to ensure communication with relevant ship Master or pilot and he shall be informed clearly of mooring plan so that he can prepare before berthing or unberthing.

6. During berthing, unberthing of ship or when there is no ship alongside the wharf, the shore crane's boom shall not spread out to the water area in front of the wharf. If it's required to spread out the boom for repairing, periodical maintenance or other necessary work, the port enterprise shall notify the Maritime Administration; and at the same time, appropriate measures shall be taken to ensure safety as prescribed.

7. After having a plan to receive ship, the port operator shall notify ship's Master, ship owner's agent of the wharf's technical specification and other safety conditions for exploitation.

8. Boat used for mooring purpose at a buoy terminal shall ensure safety manning, technical standards as prescribed and shall comply with relevant provisions of Decree No. 58/2017/NĐ-CP.

9. When a storm, tropical depression is forecasted to directly affect the area:

- To establish a 24/24 standby force. Closely monitor the development of the storm, tropical depression and to immediately implement necessary plans, measures to prevent, protect property, wharf, warehouse, cargo, office...

- To promptly inform the ship's master on the development of the storm, tropical depression, safety condition for exploitation for him to seek for safe shelter.

- To make ready the appropriate forces, means to join the search and rescue operation when ordered by the Maritime Administration.

10. To report to the Maritime Administration and Ba Ria – Vung Tau Customs Department if there is cargo which is overdue for Custom Clearance and may pose risk to cause fire, explosion or environment pollution.

Article 38. Responsibility of Shipping Agency

To comply with provisions of Chapter III, Decree No. 160/2016/NĐ-CP dated Nov 29, 2016 on conditions for maritime transportation businesss, shipping agency services and towage services, other relevant provisions and following requirements:

1. To provide Port regulations; features, technical specification of navigation channel, port/ buoy terminal, harbor and request the ship Master, ship owner to read and fully comply with before arrival of ship.

2. To contact the Maritime Administration and other competent authorities actively to receive information about maritme condition and other necessary recommendation on maritime safety and security in order to promptly provide the ship Master such information.

3. To perform the function of shipping agency service only within the scope of work entrusted by the shipowner, in accordance with business conditions of shipping agency services and other relevant provisions of law.

4. To notify in writing the Maritime Administration and other governmental authorities at port if there is a new arrangement or change of shipping agent.

5. To promptly report, provide information as requested by the Maritime Administration.

Article 39. Responsibility of shipping service enterprise

To comply with provisions of Decree No.: 160/2016/NĐ-CP dated Nov 29, 2016 and other relevant provisiosns.

Chapter III

IMPLEMENTATION PROVISION

Article 40. Effect

1. This Regulation comes in force from Aug 09, 2017 and superseded the Regulation for Seaport in Ba Ria – Vung Tau Province, Binh Thuan Province issued in combination with Decision No. 421/QĐ-CVVT dated Dec 05, 2007 by the Director of Maritime Administration of Vung Tau.

2. There are 6 Annexes enacted with this Regulation.

Article 41. Implementation

1. Vietnamese and foreign organization, individual, ship operating in Ba Ria – Vung Tau province seaport area shall strictly comply with provisions of Vietnam Maritime Law, relevant International Conventions to which Vietnam is a contracting government and this Regulation.

2. Heads of operational divisions and Chiefs of Representative Offices, Station of the Maritime Administration are responsible to organize, guide, and inspect the implementation of this Regulation.